

CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SON
THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

-----o0o-----

Số: 0904/2022/CV-AAT

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 04 năm 2022



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SON THANH HÓA**

Trụ sở chính: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, P. Bắc Sơn, TX. Bim Sơn,
Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại : (84-237) 3770.304

Fax : (84-237) 3772.064

Website : www.tiensonaus.com

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Trang - Thư ký công ty kiêm Người phụ
trách quản trị công ty.

Email : letrangqtkddl@gmail.com

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên trong năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Tiên Sơn
Thanh Hóa.

Tài liệu này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần
Tiên Sơn Thanh Hóa vào ngày 09/04/2022 tại đường dẫn:

<http://tiensonaus.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2021

Lê Thị Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA
Năm báo cáo: 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin k

hái quát

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA

- Tên giao dịch quốc tế: TIEN SON THANH HOA JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán: AAT

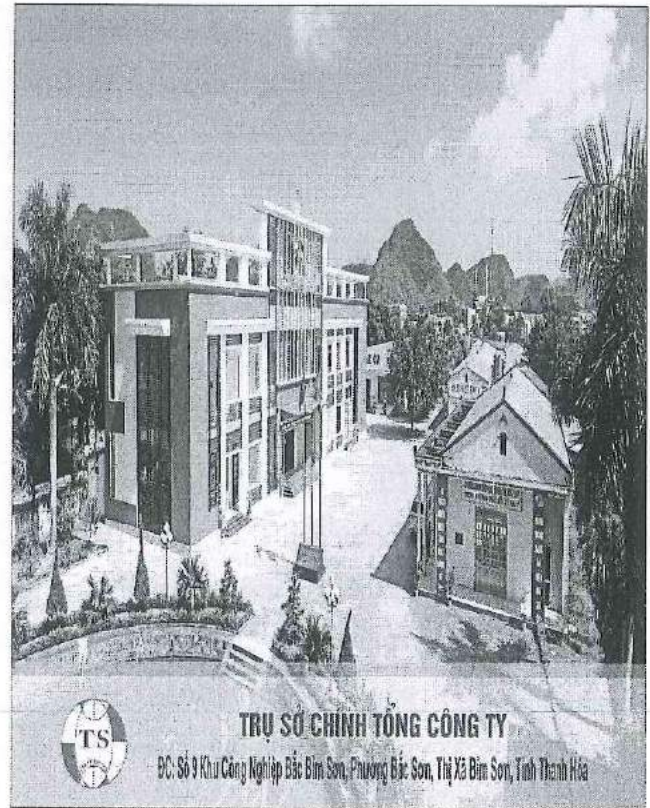
- Trụ sở chính: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800222245 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 22/07/1995, thay đổi lần thứ 16 ngày 13/01/2022.

- Vốn điều lệ: 638.014.890.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi tám tỷ không trăm mười bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*)

- Số điện thoại: (84- 237) 3770 304

- Số fax: (84-237) 3772 064



- Logo:



- Website: www.tiensonaus.com

* Quá trình hình thành và phát triển:

Thời điểm	Sự kiện
Năm 1995	Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa, thành lập ngày 22 tháng 7 năm 1995. Ban đầu vốn điều lệ của Công ty chỉ có 550 triệu và 10 lao động với hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ như : mua xi măng thu vét, sắt thép, phế liệu, nhựa phế thải và sản xuất gạch block tiêu thụ trên địa bàn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, doanh thu những năm đầu 70 triệu đồng/năm, nộp ngân sách nhà nước 1,5 triệu đồng/năm.
Năm 2000	Công ty xây dựng xưởng xén, kẻ giấy và đóng sách vở học sinh, đã thu hút thêm 20 lao động làm việc. Mua phương tiện vận tải, mở rộng thêm ngành nghề dịch vụ vận tải và bốc dỡ hàng hóa, thị trường mở rộng ra toàn quốc, số lao động tăng lên 55 người.
Năm 2002	Công ty đầu tư cơ sở vật chất, tuyển dụng lao động, đào tạo công nhân sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.
Năm 2003	Ngày 16/4/2003, một nghìn sản phẩm thủ công mỹ nghệ đầu tiên đã được xuất khẩu sang thị trường Australia.
Năm 2004	Tháng 6/2004, nhà máy sản xuất hàng gỗ mỹ nghệ xuất khẩu được xây dựng hoàn chỉnh, với vốn đầu tư 15 tỷ đồng, đi vào hoạt động hiệu quả đạt 130.000 - 150.000 sản phẩm mỗi năm. Giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 1.000.000USD/năm và được tiêu thụ trên 30 quốc gia trên thế giới. Các ngành nghề kinh doanh khác cũng được mở rộng.
Năm 2006	Công ty mua lại Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà tại thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa của Công ty Cổ phần May 40 Hà Nội, diện tích 4,5ha, bước đầu chỉ có 210 lao động, sau đó tăng lên hơn 500 lao động.
Năm 2007	Tháng 7/2007, Công ty đầu tư thêm xí nghiệp may xuất khẩu Kim Tân tại thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, giá trị đầu tư 5 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho hơn 200 lao động.
Năm 2008	Xây dựng giai đoạn II Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà tại thị xã Bim Sơn vốn đầu tư 50,2 tỷ đồng đủ chỗ làm việc cho 1.500 lao động
Năm 2009	Công ty tiếp tục đầu tư Nhà máy may Xuất khẩu Nga Sơn tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, vốn đầu tư 120 tỷ đồng, diện tích 3,5 ha, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.

Năm 2011	Công ty đầu tư Nhà máy may xuất khẩu Yên Định, diện tích hơn 3,1 ha, với vốn đầu tư 120 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.
Năm 2012	Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa thực hiện tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng thông qua các thành viên trong hội đồng thành viên tham gia góp vốn.
Năm 2013	Công ty tiếp tục thực hiện tăng vốn lên 348 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư vào các nhà máy may xuất khẩu.
Năm 2014	Năm 2014 Công ty đầu tư xây dựng Nhà máy may Xuất khẩu Thọ Xuân tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa diện tích 3,8 ha, vốn đầu tư 150 tỷ đồng đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.
	- Ngày 10/3/2014, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần, lấy tên là Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa, với vốn điều lệ là 348 tỷ đồng, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/3/2014. - Ngày 29/10/2014 Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn theo Công văn số 5947/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, về việc chấp thuận Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa là Công ty đại chúng quy mô lớn.
Năm 2017 - 2018	Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Triệu Sơn tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 3,6 ha, tổng vốn đầu tư 166 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.
Tháng 1/2020	Công ty khởi công xây dựng Nhà máy may Quý Lộc tại xã Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 4,22 ha, tổng vốn đầu tư 200 tỷ đồng, quy mô đáp ứng cho 2.000 lao động.
Tháng 3/2020	Công ty đã chuyển nhượng Nhà máy may xuất khẩu Thọ Xuân
Tháng 10/2021	Tăng vốn điều lệ đợt 1 thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua tại nghị quyết số 1906-2/2021/ĐHĐCĐ-AAT ngày 19 tháng 06 năm 2021. Tăng vốn điều lệ công ty từ 3 348.000.000.000 đồng lên 388.014.890.000 đồng. Thay đổi vốn điều lệ trong điều lệ công ty lần thứ 8 và giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 15 của công ty.
Tháng 11/2021	Mở rộng giai đoạn II Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà tại thị xã Bỉm Sơn vốn đầu tư 50 tỷ đồng đủ chỗ làm việc cho 2000 lao động.
12/2021	Tăng vốn điều lệ đợt 2 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua tại nghị quyết số 1906-2/2021/ĐHĐCĐ-AAT ngày 19 tháng 06 năm 2021. Tăng vốn điều lệ công ty từ 388.014.890.000 đồng lên 638.014.890.000 đồng. Thay đổi vốn điều

Như vậy, ban đầu hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp và mua bán vật liệu xây dựng vận tải. Sau đó, dựa trên những việc nghiên cứu tình hình ở địa phương và thị trường, Công ty đã mở rộng sang lĩnh vực sản xuất hàng may mặc để xuất khẩu, và đến nay, ngành hàng này đã trở thành lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Sau 27 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa đã đạt được những thành tựu nhất định. Công ty đã từng bước khẳng định uy tín và sự tin cậy với các khách hàng trong và ngoài nước. Hiện tại Công ty có 06 nhà máy may cung ứng cả sản phẩm tiêu dùng trong nước và xuất khẩu với tổng giá trị đầu tư gần 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục xây dựng thêm 01 nhà máy ở huyện Thọ Xuân. Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống cho người lao động, hoàn thành vượt mức nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc-phòng của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có một lượng khách hàng lớn, thường xuyên ở cả trong và ngoài nước, chủ yếu đến từ: Hàn Quốc, Đài Loan, Mỹ, Nhật Bản ... và Công ty đang hướng mở rộng khách hàng đến các nước EU...

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Một số ngành nghề kinh doanh chính:

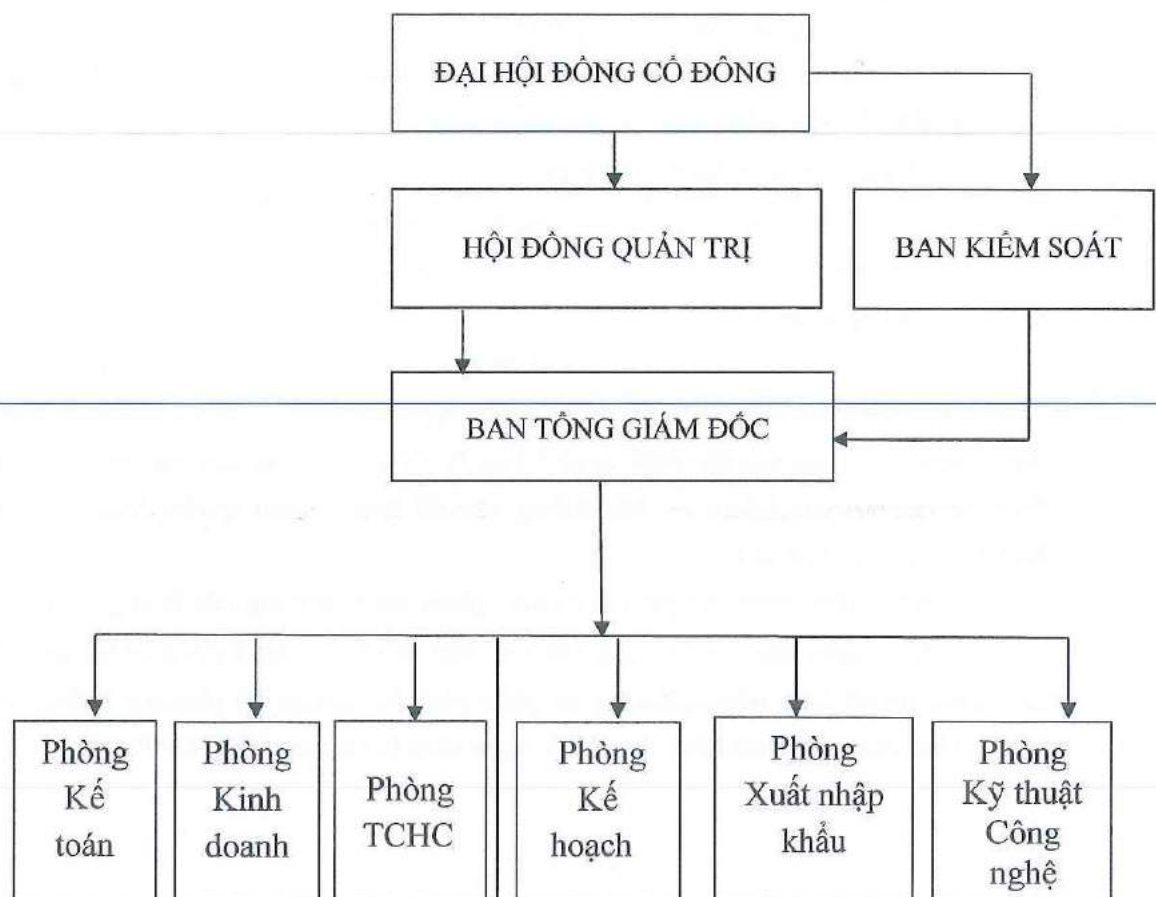
STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân phối vào đầu. Chi tiết: kinh doanh hàng sơn mài mỹ nghệ, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy	4669
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7	Bốc xếp hàng hóa	5224
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Dịch vụ nhà đất, cho thuê nhà xưởng, mua bán, trao đổi đất, đầu tư xây dựng nhà để bán, cho thuê; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để đổi đất lấy công trình hoặc cho thuê đất đã có hạ tầng	6810
9	Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

10	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống)	4620
11	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
16	Sản xuất giày, dép	1520
17	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú Chi tiết: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	1420
18	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: kinh doanh giày dép và các sản phẩm từ da, kinh doanh vật tư và phụ kiện ngành may	4690
19	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm Chi tiết: Sản xuất vali, túi xách, ba lô và các loại tương tự	1512

- Địa bàn kinh doanh: Trên lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài trên khắp thế giới.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

* Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa



* **Diễn giải cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty:**

- **Cơ cấu tổ chức của Công ty tại thời điểm 31/12/2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN



CHI NHÁNH, NHÀ MÁY

❖ **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa**

▪ Địa chỉ: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

▪ Điện thoại: 0237 3770 304 Fax: 0237 3772 064

▪ Website: www.tiensonaus.com

▪ Email: congtytiensonth@gmail.com

❖ **Các chi nhánh, nhà máy**

Các Chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần-Tiên Sơn Thanh Hóa và hạch toán kế toán phụ thuộc bao gồm 01 chi nhánh: Chi nhánh Tây Nguyên.

Các Nhà máy của Công ty: 06 Nhà máy đang hoạt động bao gồm Nhà máy may Xuất khẩu Sơn Hà, Nhà máy may Xuất khẩu Kim Tân, Nhà máy may Xuất khẩu Nga Sơn, Nhà máy may Xuất khẩu Yên Định, Nhà máy may Xuất khẩu Triệu Sơn, Nhà máy may Xuất khẩu Quý Lộc và Nhà máy may Xuất khẩu Thọ Xuân đang trong quá trình tăng vốn để xây dựng.

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định số Thành viên HĐQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 (năm) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên là thành viên HĐQT độc lập, nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 (năm) năm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHCĐ;

- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

*** Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Trịnh Xuân Lượng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Trịnh Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4	Lê Văn Ngọc	Thành viên độc lập HĐQT
5	Lương Văn Quyết	Thành viên độc lập HĐQT

BKS là cơ quan có chức năng độc lập HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 (ba) thành viên, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

*** Danh sách Ban Kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đình Bộ Lễ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trịnh Văn Tâm	Thành viên
3	Nguyễn Thị Giang	Thành viên

*** Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

*** Danh sách Ban Tổng Giám đốc của Công ty:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Xuân Lượng	Tổng Giám đốc
2	Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc
4	Trịnh Xuân Dưỡng	Phó Tổng Giám đốc

*** Các phòng ban chức năng**

*** Phòng Kế toán**

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Tổng Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.

- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

*** Phòng Kinh doanh**

Phòng Kinh doanh có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng quản trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt

- Lập phương án, soạn thảo quy chế, quy định việc tiêu thụ sản phẩm.

- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm.

- Tổ chức, quản lý mạng lưới các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm, báo cáo tình hình tổ chức thông tin quảng cáo tiếp thị, xúc tiến sản phẩm, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, báo cáo tình hình tiêu thụ.

*** Phòng Tổ chức Hành chính**

Phòng Tổ chức Hành chính có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.

- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.

- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

*** Phòng Kế hoạch**

- Hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm của mỗi đơn vị. Tổng hợp các số liệu và lấy ý kiến của các phòng nghiệp vụ, các đơn vị để tham mưu cho Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD cho kế hoạch năm.

- Thực hiện các thủ tục pháp lý về công tác hợp đồng kinh tế và các dự án đầu tư. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện hợp đồng đã ký kết, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh, những bất hợp lý để tham mưu cho TGD xử lý. Khi hợp đồng thực hiện xong phải nghiệm thu đưa vào sử dụng đồng thời tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng để làm cơ sở thanh toán giữa các bên, thanh toán công nợ.

- Đôn đốc kiểm tra giám sát trong suốt quá trình triển khai kế hoạch; phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc tham mưu cho TGD khắc phục điều hòa kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Tổng hợp kết quả sản xuất theo từng hạng mục công việc và từng kỳ.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ báo cáo thống kê về kinh tế kế hoạch theo quy định của công ty, của ngành và của Nhà nước.

*** Phòng Xuất nhập khẩu**

Phòng Xuất nhập khẩu có nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu;

- Giao thương và hợp tác quốc tế;

- Thực hiện các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật;

- Định hướng chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu;

- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định;

- Thực hiện chức năng quản lý thương hiệu của Công ty. Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước và các nước, vùng lãnh thổ mà Công ty có khả năng xuất khẩu;

- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan để giới thiệu, chào bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty tại các hội chợ triển lãm nước ngoài, khảo sát thị trường, trao đổi nghiệp vụ, thu thập thông tin nhằm mở rộng thị trường quốc tế.

*** Phòng Kỹ thuật công nghệ**

Phòng Kỹ thuật công nghệ có nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm.

- Thiết kế, triển khai giám sát về kỹ thuật các sản phẩm làm cơ sở để hạch toán, đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế.

- Kết hợp với phòng Kế hoạch vật tư theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa vật tư khi mua vào hoặc xuất ra.

- Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm

- Thiết kế, triển khai thi công sản phẩm ở các khâu sản xuất. Tổ chức quản lý, kiểm tra công nghệ và chất lượng sản phẩm, tham gia nghiệm thu sản phẩm.

- Căn cứ hợp đồng kinh tế lập phương án kỹ thuật, khảo sát, lên danh mục, hạng mục cung cấp cho phòng kinh doanh để xây dựng giá thành sản phẩm. Quản lý và kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện các mặt hàng, sản phẩm theo đúng mẫu mã, quy trình kỹ thuật, nhiệm vụ thiết kế theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Là đơn vị chịu trách nhiệm chính về mặt kỹ thuật đối với các sản phẩm xuất xưởng.

- Tham gia vào việc kiểm tra xác định định mức lao động trong các công việc, các công đoạn sản xuất và xác nhận lệnh sản xuất. Trực tiếp làm các công việc về đăng ký, đăng kiểm chất lượng hàng hóa, sản phẩm thi công tại Công ty. Quản lý chỉ đạo về an toàn kỹ thuật trong sản xuất.

- Kiểm tra các định khối lượng, chất lượng, kỹ mỹ thuật của sản phẩm để xuất xưởng; làm cơ sở quyết toán và thanh lý hợp đồng kinh tế. Lưu trữ hồ sơ kỹ thuật, đảm bảo bí mật công nghệ sản phẩm truyền thống.

- Nghiên cứu cải tiến các mặt hàng, sản phẩm của công ty đang sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Quản lý các định mức kỹ thuật (mức tiêu hao năng lượng, vật tư và nguyên vật liệu của các sản phẩm ...)

- Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lớn thiết bị của các đợ vị theo định kỳ. Quản lý, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật các sản phẩm đã sản xuất, giữ gìn bí mật công nghệ.

- Nghiên cứu xây dựng danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm và định mức kỹ thuật áp dụng trong công ty. Phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia Hội đồng khảo thí tay nghề nâng bậc lương công nhân kỹ thuật. Biên soạn tài liệu về công nghệ kỹ thuật để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên.

- Theo dõi, đối chiếu các hạng mục trong quá trình sản xuất, mức tiêu hao vật tư nguyên liệu để làm cơ sở thanh lý hợp đồng kinh tế giữa công ty với khách hàng.

- Trực tiếp báo cáo Tổng giám đốc Công ty về chất lượng, số lượng, các chỉ số hao hụt vật tư, nguyên liệu khi mua vào, xuất ra phục vụ sản xuất. Theo dõi tiêu hao nguyên vật liệu cũng như tiết kiệm vật tư nguyên nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh.

- Xác nhận về thời gian hoàn thành chất lượng công việc của tất cả các lệnh sản xuất để làm cơ sở thành toán tiền lương, tiền công cho công nhân.

- Soạn thảo, xây dựng quy trình công nghệ để thi công các sản phẩm.

- Phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc trong công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác thi nâng bậc công nhân hàng năm.

- Tổng hợp báo cáo kịp thời về công tác chuyên môn theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Lãnh đạo yêu cầu.

*** Chi nhánh, các nhà máy sản xuất.**

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ do Ban Lãnh đạo Công ty phân công và do các Phó Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo điều hành sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc. Hiện tại, Công ty có 01 chi nhánh, 06 nhà máy may.

*** Thông tin về các nhà máy:**

Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà:

Địa chỉ: Số 9 Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa.

Diện tích: 4,5 ha

Xây dựng năm: 2006

Xây dựng giai đoạn 2 : 2021

Tổng vốn đầu tư: 100,2 tỷ đồng

Đầu tư khác: 8,2 tỷ đồng

Quy mô lao động: 1.500 lao động

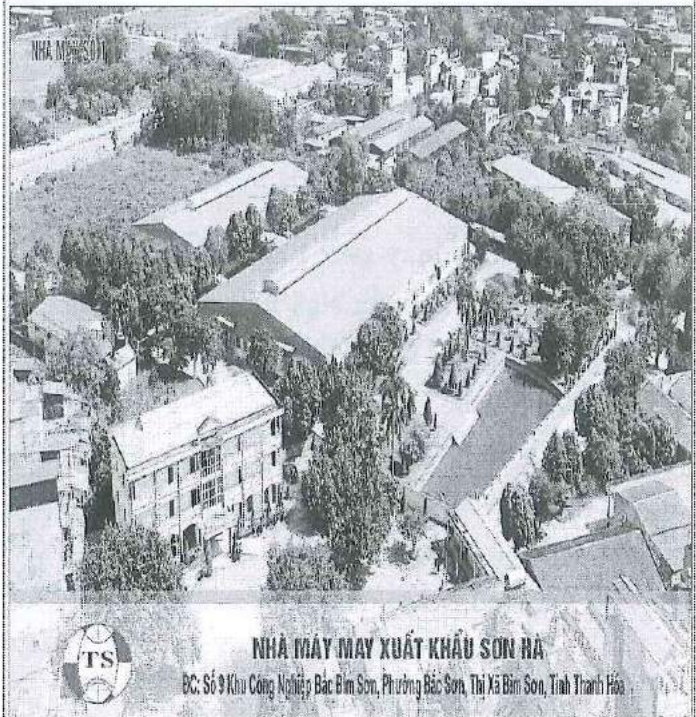
Công suất: 8.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Quần áo thể thao, áo jacket, sportware, Jacket

Lao động hiện có: 800 lao động

Chuyên sản xuất: 30 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà:**



Nhà máy may xuất khẩu Kim Tân:

Địa chỉ: Khu 6, Thị trấn Kim Tân,
Huyện Thạch Thành, Thanh Hóa

Diện tích: 0,5 ha

Năm xây dựng: 2007

Tổng vốn đầu tư: 5 tỷ đồng

Đầu tư khác: 1 tỷ đồng

Quy mô lao động: 300 lao động

Công suất: 500.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Quần âu, áo sơ mi.

Lao động hiện có: 200 lao động

Chuyên sản xuất: 6 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Kim Tân:**

NHÀ MÁY MAY XUẤT KHẨU KIM TÂN

ĐC: Khu 6, Thị Trấn Kim Tân, Huyện Thạch Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn:

Địa chỉ: Thị trấn Nga Sơn, Huyện Nga Sơn,
Tỉnh Thanh Hóa

Diện tích: 3,5 ha

Xây dựng năm 2009

Tổng vốn đầu tư: 120 tỷ đồng

Đầu tư khác: 15 tỷ đồng

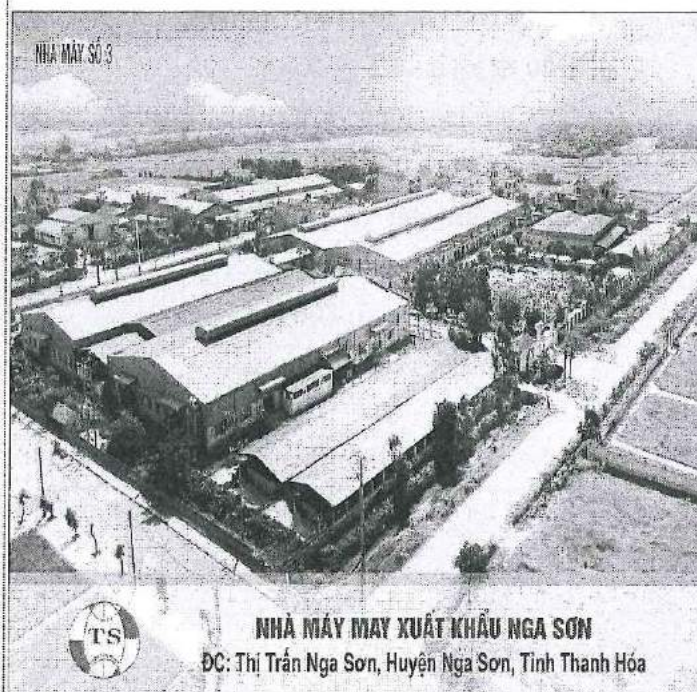
Quy mô lao động: 3.000 lao động

Công suất: 5.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Quần, áo sơ mi, váy
các loại.

Lao động hiện có: 2.500 lao động

Chuyên sản xuất: 39 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn:**

NHÀ MÁY MAY XUẤT KHẨU NGA SƠN

ĐC: Thị Trấn Nga Sơn, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Nhà máy may xuất khẩu Yên Định:

Địa chỉ: Xã Định Liên, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa.

Diện tích: 3 ha

Năm xây dựng: 2011

Tổng vốn đầu tư: 120 tỷ đồng

Đầu tư khác: 15 tỷ đồng

Quy mô lao động: 3.000 lao động

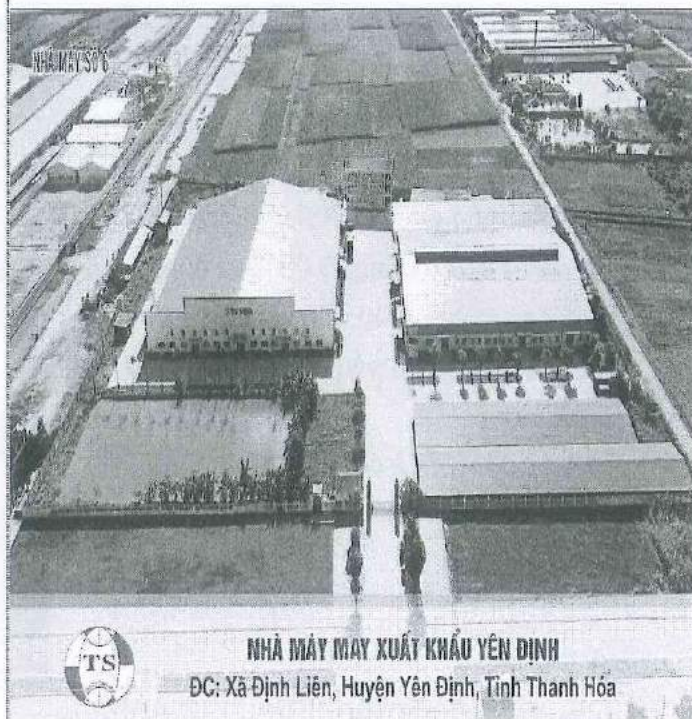
Công suất: 5.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Áo thun, áo sơ mi, quần âu, dệt kim.

Lao động hiện có: 2.000 lao động

Chuyên sản xuất: 35 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Yên Định:**



Nhà máy may xuất khẩu Triệu Sơn:

Địa chỉ: Xã Vân Sơn, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Diện tích: 3,6 ha

Xây dựng năm: 2017

Tổng vốn đầu tư: 166 tỷ đồng

Đầu tư khác: 24 tỷ đồng

Quy mô lao động: 3.000 lao động

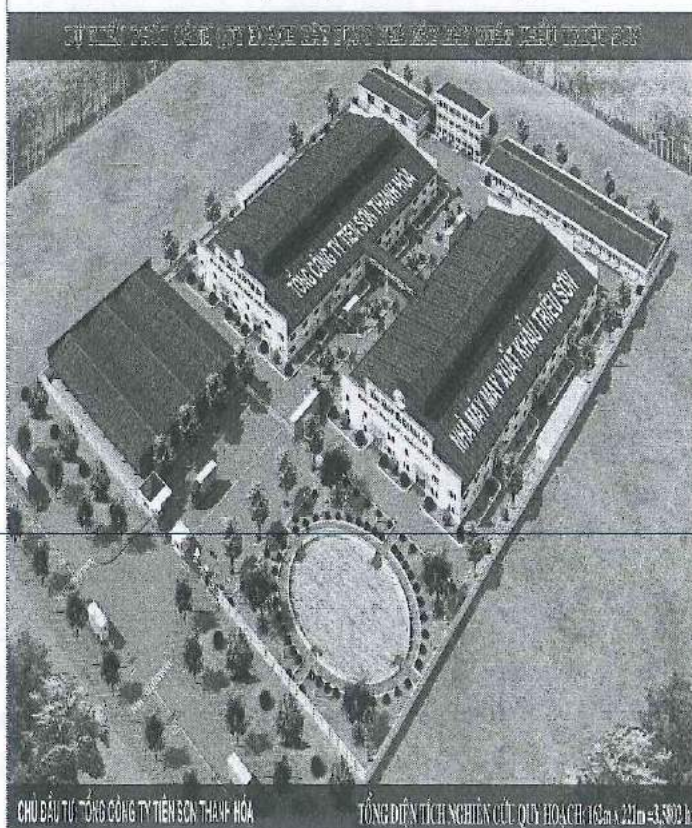
Công suất: 5.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Quần âu, áo sơ mi, dệt kim.

Lao động hiện có: 1.000 lao động

Chuyên sản xuất: 20 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Triệu Sơn:**



Nhà máy may xuất khẩu Quý Lộc:

Địa chỉ: Xã Quý Lộc, Huyện Yên Định,
Tỉnh Thanh Hóa

Diện tích: 4,2 ha

Xây dựng năm: 2020

Tổng vốn đầu tư: 200 tỷ đồng

Quy mô lao động: 2.000 lao động

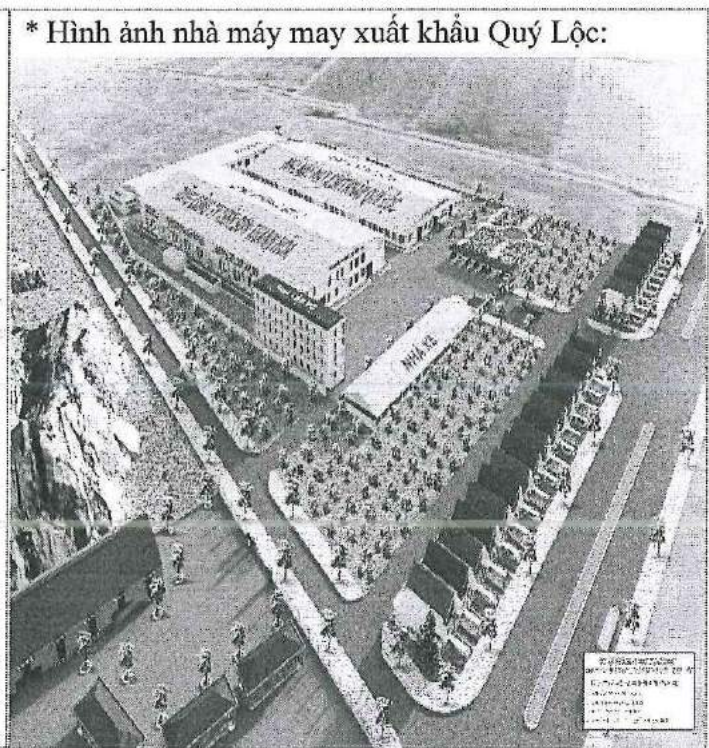
Công suất: 5.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Giày dép, áo sơ mi,
dệt kim.

Lao động hiện có: 1.000 lao động

Chuyên sản xuất: 20 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Quý Lộc:**



*** Các công ty con, công ty liên kết:**

*** Các Công ty con**

Không có

*** Các Công ty liên kết**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lương Phát

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2801447298, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 11/11/2009, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/08/2021.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 12 Phùng Hưng, phường Phú Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

- Điện thoại : 0914.104.766

Email: ctyluongphat@gmail.com

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại

- Vốn điều lệ đăng ký: 160.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 160.000.000.000 đồng

- Vốn thực góp của AAT: 67.322.000.000 đồng, tương đương 42,08% vốn điều lệ thực góp.

- Tỷ lệ biểu quyết của AAT tại Công ty Cổ phần Lương Phát: 42,08%

4. Định hướng phát triển:

- Tập trung sự chỉ đạo, điều hành vào các lĩnh vực chính có doanh thu và lợi nhuận cao

- Đối với ngành may xuất khẩu: khai thác triệt để lợi thế của các hiệp định thương mại tự do, tìm kiếm đối tác có tiềm năng để mở rộng thị trường xuất khẩu sang EU để tăng tỷ trọng doanh thu. Đối với các thị trường truyền thống khai thác các mặt hàng gia công có giá trị cao, số lượng lớn. Tiếp tục đầu tư về công nghệ, cải tiến dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

- Đối với ngành nông sản: phát huy những lợi thế đang có phát triển thêm các kênh phân phối, tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư với nước ngoài để mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỷ trọng doanh thu đáng kể so với 2020.

- Về lĩnh vực đầu tư xây dựng nhà xưởng để cho thuê: Công ty tiếp tục tìm kiếm quỹ đất để đầu tư xây dựng cụm công nghiệp, đầu tư thêm nhà máy để đón các nhà đầu tư nước ngoài theo hướng dịch chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam.

- Tập trung phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty để tận dụng cơ hội thị trường Quốc tế.

- Đẩy nhanh việc áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu hội nhập trong ngành dệt may. Chú trọng đến chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra thị trường quốc tế;

- Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại để đáp ứng với thời đại 4.0, phấn đấu tự động hóa tất cả các quá trình may mặc tới 50% - 60%, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng suất lao động;

- Chuyển dần từ may gia công trực tiếp sang hình thức sản xuất toàn bộ các sản phẩm và giao sản phẩm FOB tại các cảng cho các hãng thời trang Quốc tế đặt hàng để tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Phát triển cụm công nghiệp: Nằm trong vùng Bắc Trung Bộ, tỉnh Thanh Hoá đang có xu thế phát triển kinh tế - xã hội năng động và toàn diện, đặc biệt ưu tiên phát triển công nghiệp nhằm chuyển đổi các ngành kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Đây được xác định là trung tâm và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trung du miền núi với tính chất là đô thị công nghiệp – thương mại, dịch vụ – du lịch. Hiện tại, Công ty đang triển khai một số dự án mới và đầu tư Cụm công nghiệp trong tỉnh Thanh Hóa.

- Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao. Như đã phân tích ở trên, đây là một xu hướng phát triển tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới của các công ty may mặc khi đã đạt đến một mức độ phát triển nhất định, và với AAT, đây chính xác là thời điểm vàng để bắt đầu quá trình phát triển. Ở AAT hiện đã hội tụ đầy đủ các yếu tố về mặt con người (đội ngũ quản lý kinh nghiệm và lao động tay nghề cao), máy móc công nghệ (các thiết bị và công nghệ sản xuất đều thuộc hàng tiên tiến nhất trong ngành may mặc tại Việt Nam), nguồn vốn, và lại ở trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển ngành may mặc với nhiều ưu đãi từ phía cơ quan chủ quản. Không chỉ có vậy, trên bình diện khu vực và quốc tế, một loạt các hiệp định thương mại đã có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU EVFTA, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) sẽ mở toang cánh cửa vào một loạt các thị trường đầy tiềm năng với mức thuế suất vô cùng ưu đãi. Do đó, có thể khẳng định, với kế hoạch AAT đã đề ra cùng tầm nhìn chiến lược của ban điều hành Công ty, triển vọng phát triển trong thời gian tới của AAT

5. Các rủi ro ảnh hưởng tới công ty:

2245
CÔNG TY
ĂN
ON
HÓA
NHÀ

* Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2021, các ngân hàng trung ương và hầu hết nhà kinh tế đều cho rằng tình trạng lạm phát toàn cầu và suy thoái chỉ là tình trạng tạm thời. Các nút thắt trong chuỗi cung ứng rồi sẽ được giải tỏa, giá năng lượng rồi sẽ bình ổn, người lao động ở các nước giàu sẽ quay trở lại làm việc. Tuy nhiên, khi năm 2021 kết thúc, niềm tin đó đang dần lung lay. Số lượng tàu chờ đợi kỹ lục tại các cảng, tình trạng thiếu nguyên liệu, việc làm không được đáp ứng, giá hàng hóa cao hơn và vô số sự gián đoạn chuỗi cung ứng đã làm tăng thêm áp lực về giá.

Giá năng lượng và lương thực tăng cao đã thúc đẩy lạm phát cao hơn ở nhiều quốc gia. Các nhà kinh tế nhận định, những yếu tố toàn cầu này có thể khiến lạm phát gia tăng vào năm 2022. Khi hoạt động trở lại bình thường, giá cũng sẽ bình thường hóa nhưng các yếu tố như chi phí năng lượng sẽ ảnh hưởng lâu dài hơn đến một số lĩnh vực như ngành thép sử dụng nhiều năng lượng và lĩnh vực bán lẻ phụ thuộc vào hậu cần. Chi phí cao liên tục chắc chắn sẽ tác động trực tiếp đến người tiêu dùng. Điều này sẽ gây ra những hậu quả tiêu cực đối với các hộ gia đình ở các nước có thu nhập thấp, nơi mà khoảng 40% chi tiêu tiêu dùng là dành cho thực phẩm.

Bên cạnh đó, theo các chuyên gia y tế, biến chủng Omicron của Covid-19 có vẻ như dễ lây lan hơn so với “người tiền nhiệm” Delta, nhưng cũng có thể ít gây chết người hơn. Điều đó sẽ giúp thế giới trở lại giống như bình thường trước đại dịch - có nghĩa là chi nhiều tiền hơn cho các dịch vụ. Tái cân bằng chi tiêu có thể thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu lên 5,1% so với dự báo cơ sở của Bloomberg Economics là 4,7%. Nhưng ở giả thiết ngược lại, nhiều nước có thể không nhận được may mắn đó. Một biến chủng dễ lây lan và gây tử vong nhiều hơn sẽ khiến các nền kinh tế tăng trưởng chậm lại. Trong kịch bản đó, nhu cầu sẽ yếu hơn và các vấn đề về nguồn cung của thế giới có thể sẽ vẫn tồn tại, với việc người lao động bị loại khỏi thị trường lao động và giá vận chuyển tiếp tục bị đẩy lên cao.

Biến chủng Omicron chỉ là một nguyên nhân tiềm ẩn. Tiền lương đã tăng với tốc độ chóng mặt ở Mỹ và có thể tăng cao hơn nữa. Căng thẳng giữa Nga và Ukraine có thể đẩy giá khí đốt tiếp tục đi lên. Tương tự, biến đổi khí hậu kéo theo các hiện tượng thời tiết bất ổn hơn, giá lương thực có thể tiếp tục tăng. Dù không phải tất cả các rủi ro đều theo cùng một hướng nhưng tác động tổng hợp vẫn có thể tạo ra một cú sốc lạm phát khiến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và các ngân hàng trung ương khác không dễ dàng đưa ra các chính sách tài khóa.

* Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn cho nền kinh tế toàn cầu, do những bất định của dịch Covid-19 với biến chủng Omicron chưa có hồi kết và chiến tranh giữa Ukraina và Nga kéo theo thị trường tài chính nhiều rủi ro gia tăng, thị trường dầu mỏ, giá vàng, đồng USD... có thể biến động thất thường, nền kinh tế thế giới sẽ đối diện với những thách thức đan xen.

Sự gia tăng lạm phát toàn cầu khiến các nhà đầu tư lo lắng về tăng trưởng trong tương lai, nhưng các nhà kinh tế của Morgan Stanley cho rằng, lạm phát sẽ giảm xuống, nhường chỗ cho tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu 4,7% vào năm 2022. Trong khi đó, Moody's Analytics nhận định, GDP toàn cầu dự kiến sẽ tăng 4,1% vào năm 2022 khi sự xuất hiện của biến chủng Omicron làm tăng tính không chắc chắn và rủi ro. Tuy nhiên, công ty nghiên cứu này cũng cho rằng sự xuất hiện của Omicron sẽ không làm lệch đà phục hồi.

Vào tháng 8, Moody's Analytics đã dự báo GDP toàn cầu sẽ phục hồi 5,7% trong năm 2021 sau khi giảm 3,6% vào năm 2020, đồng thời cho rằng việc bình thường hóa chính sách tiền tệ sẽ là một yếu tố định hình quan trọng cho bối cảnh kinh tế vào năm 2022. Theo Moody's, Mỹ và Trung Quốc sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu. Tăng trưởng GDP của Mỹ được dự báo ở mức 5,6% vào năm 2021 và 4,4% vào năm 2022 trong khi tăng trưởng của Trung Quốc được dự báo là 7,9% vào năm 2021 và 4,7% vào năm 2022. Nhà kinh tế trưởng Ellen Zentner của Mỹ cho biết chuỗi cung ứng của cường quốc số một thế giới đang trên đà phục hồi và mức tăng giá hàng hóa cũng sẽ giảm dần. Còn ở châu Âu, các nhà kinh tế của Morgan Stanley cho rằng lạm phát giảm từ 4,1% vào cuối năm 2021 xuống 3,1% vào quý đầu tiên của năm 2022 và cuối cùng giảm xuống dưới tỷ lệ lạm phát mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) là 2%.

Nhà kinh tế châu Âu Jacob Nell nhận định: “Ngay cả khi châu Âu tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm tới và thị trường lao động thắt chặt, chúng tôi kỳ vọng lạm phát lõi sẽ thấp hơn mục tiêu của ECB vào năm 2023”. Điều đó cho thấy, nền kinh tế châu Âu đang trên đà phục hồi trở lại mức trước đại dịch và sẵn sàng tăng trưởng GDP 4,6% vào năm 2022, do thị trường lao động mạnh mẽ hỗ trợ cải thiện chỉ tiêu của người tiêu dùng. Tại châu Á, sự phục hồi kinh tế phần lớn đang trở lại đúng hướng khi tỷ lệ tiêm chủng đã tăng lên đáng kể trên hầu hết các khu vực.

Đặc biệt trong bối cảnh này, các nhà kinh tế đã đưa ra ba định hình chính của nền kinh tế toàn cầu vào năm 2022, đó là công nghệ, chuỗi cung ứng và chủ nghĩa tiêu dùng.

Về công nghệ các nhà nghiên cứu ước tính rằng “nền kinh tế kỹ thuật số trị giá 11,5 nghìn tỷ USD và chiếm gần 16% GDP toàn cầu”. Các công ty công nghệ đã vượt qua các công ty dầu khí để trở thành công ty đại chúng lớn nhất trên thế giới. Sự mở rộng mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, 5G, blockchain, tiền điện tử và Internet of Things (IoT) tiếp tục không suy giảm. Tự động hóa và tiến bộ kỹ thuật số đang chuyển lao động từ các kỹ năng cấp thấp đến trung bình sang các kỹ năng quản lý, kỹ thuật và phức tạp hơn; và các công nghệ mới xuất hiện dự kiến sẽ đóng góp vào 2/3 mức tăng trưởng năng suất tiềm năng trong thập kỷ tới. Nhờ sự phổ biến và lan tỏa của công nghệ và nền tảng kỹ thuật số, cùng với khả năng tiếp cận của chúng, chẳng hạn như mã nguồn mở, 1,35 triệu công ty khởi nghiệp công nghệ được khởi động mỗi năm và không chỉ ở các nước tiên tiến. Các công ty khởi nghiệp ở thị trường mới nổi đang nở rộ như: Nubank (Brazil), mPharma (Ghana), Momo (Việt Nam) và Mileus (Cộng hòa Séc).

Một yếu tố quan trọng khác định hình nền kinh tế toàn cầu vào năm 2022 là chuỗi cung ứng. Sự gia tăng và thiếu hụt lao động, hàng hóa đã và đang làm tăng giá cả, thúc đẩy lạm phát. Mặc dù tình trạng tắc nghẽn ở cảng đang bắt đầu giảm bớt, nhưng triển vọng giá vận chuyển vẫn ở mức rất cao khi ngành này đối mặt với tình trạng thiếu hụt liên tục các công nhân vận tải và cảng.

Đối với năm 2022, chỉ tiêu của người tiêu dùng trong nền kinh tế rộng lớn hơn sẽ tăng lên, với các dịch vụ được thiết lập để phục hồi mạnh mẽ vượt quá 6,2%. Người tiêu dùng đang yêu cầu trải nghiệm cá nhân hóa nhiều hơn, mua hàng kỹ thuật số nhiều hơn và các doanh nghiệp đáng tin cậy hơn.

Ngoài ra, một loạt nhân tố quan trọng khác như năng lượng, cơ sở hạ tầng, biến đổi khí hậu, nhập cư... sẽ đóng một vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu vào năm 2022. Và đây sẽ là chìa khóa để thúc đẩy sự phục hồi lâu dài sau đại dịch...

*** Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam**

Dự báo tăng trưởng của Việt Nam được Ngân hàng Thế giới (WB) công bố ngày 5/4 thấp hơn 0,2 điểm phần trăm so với hồi đầu năm và thấp hơn nhiều so với mức 6,5% được đưa ra tháng 10/2021.

WB liên tục giảm dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam là vì những khó khăn mà nền kinh tế phải đối phó trước các ca nhiễm tăng cao và khả năng dễ bị tổn thương từ các cú sốc bên ngoài do độ mở kinh tế lớn.

Theo đó, tổ chức này dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 đạt 5,3%, sau đó ổn định lại quanh mức 6,5% theo kịch bản các biện pháp hạn chế đi lại được nới lỏng trong và ngoài nước.

Lĩnh vực dịch vụ được kỳ vọng phục hồi từng bước khi lòng tin người tiêu dùng khôi phục và lượng khách quốc tế dần trở lại vào giữa năm nay. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chế biến, chế tạo được dự báo tăng với tốc độ chậm hơn do tăng trưởng tại các thị trường chủ lực như Mỹ, Liên minh châu Âu, Trung Quốc chững lại.

Dù vậy, WB cho biết, những triển vọng trên vẫn phải đối mặt với những rủi ro tiêu cực đang gia tăng. Bởi các đối tác thương mại chính của Việt Nam đang tăng trưởng chậm lại cùng với cú sốc tỷ giá thương mại, các biện pháp trừng phạt liên quan đến xung đột Nga – Ukraine. Các yếu tố này có thể bị trầm trọng hơn nếu phát sinh biến chủng Covid-19 mới.

Bên cạnh đó, phục hồi kinh tế còn phụ thuộc vào tốc độ phục hồi nhu cầu tư nhân trong nước, hiện còn tương đối chậm, thể hiện tâm lý thận trọng của người tiêu dùng và nhà

đầu tư. Giai đoạn lây nhiễm mạnh hiện nay có thể dẫn đến tạm thời gián đoạn cung lao động và sản xuất.

WB đánh giá, vì nền kinh tế đã phục hồi mạnh từ đầu năm, nếu Chính phủ triển khai gói hỗ trợ quyết liệt bằng chính sách tài khóa thì tác động đến tăng trưởng kinh tế có thể được giảm nhẹ. Chính sách tiền tệ vẫn cần nói lời, nhưng phải tiếp tục thận trọng nhằm kiểm soát rủi ro trong khu vực tài chính.

Ở kịch bản xấu nhất nếu có thêm các cú sốc khác, WB đánh giá tăng trưởng GDP chỉ đạt 4% trong năm 2022, phục hồi lại 6% và 6,5% lần lượt vào các năm 2023 và 2024. Tỷ lệ nghèo được kỳ vọng giảm trong năm nay, với giả định tăng trưởng GDP phục hồi về mức trước đại dịch, nhưng tác động của khủng hoảng sẽ để lại ảnh hưởng lâu dài làm tăng bất bình đẳng.

*** Rủi ro lãi suất**

Năm 2022, giới phân tích chung nhận định rằng lãi suất sẽ tiếp tục giảm và một trong những nguyên nhân đến từ động thái cắt giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong nửa cuối năm 2021.

Cụ thể, trong một báo cáo công bố mới đây, Công ty Chứng khoán SSI dự báo lãi suất huy động ngắn hạn sẽ giảm trong năm 2022. Điều này là do đợt cắt giảm lãi suất gần đây vào tháng 11/2019, khi mức trần lãi suất đã giảm từ 1% xuống còn 0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng và từ 5,5% còn 5%/năm đối với kỳ hạn 1-6 tháng.

Không chỉ giảm ở kỳ hạn ngắn, lãi suất huy động kỳ hạn dài cũng được dự báo sẽ giảm trong năm nay.

SSI ước tính lãi suất huy động dài hạn tại các ngân hàng có vốn cấp 2 lớn sẽ giảm khoảng 0,5 – 1 điểm%, do áp lực tăng tiền gửi có thể giảm bớt nhờ triển vọng tăng trưởng tín dụng thấp hơn vào năm 2020 và việc bổ sung tiền gửi dài hạn gần đây mà đã làm tăng lãi suất huy động vào tháng 11/2019.

Ngoài ra, thanh khoản trên thị trường có thể dồi dào nhờ dòng vốn FDI, FII và kiều hối sẽ vẫn ổn định trong bối cảnh nói lời chính sách tiền tệ tiếp diễn trên nhiều quốc gia. Tuy nhiên, theo SSI, sẽ có một số ít các ngân hàng ngoại lệ sẽ tăng lãi suất để cạnh tranh về mặt huy động, nhất là các ngân hàng có tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn cao.

*** Rủi ro tỷ giá**

Cuối năm 2021, tỷ giá USD/VND ghi nhận đợt tăng giảm thất thường với biên độ lớn. Giới chuyên môn cho rằng, đây là dự báo trước cho một năm 2022 đầy vất vả của Ngân hàng Nhà nước trong việc điều hành chính sách tỷ giá.

Thực tế, ngay từ tháng đầu tiên của năm 2022, Ngân hàng Nhà nước đã phải điều chỉnh giảm 100 VND ở chiều mua và cùng đó, ban hành chính sách bán ngoại tệ kỳ hạn 3 tháng có huy ngang với giá 23.050 VND/USD (thấp hơn 100 VND so với trước đó).

Trong khi, năm 2021, đến tận tháng 6 nhà điều hành tiền tệ mới phải điều chỉnh giá mua USD, hay chỉ giảm giá bán USD một lần duy nhất tại tháng cuối năm.

Động thái điều chỉnh chính sách tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước ngay từ đầu năm có vẻ như làm dịu thị trường trước bối cảnh tỷ giá USD/VND rục rịch tăng mạnh. Cụ thể, sau khi đi ngang ở nửa đầu tháng 1/2022, giá USD liên ngân hàng đột ngột bật mạnh, tăng hơn 0,4% chỉ trong 2 phiên giao dịch tiếp đó. Yếu tố gây tác động mạnh được cho là sự thay đổi bất ngờ trong nhu cầu USD của các khách hàng và Kho bạc Nhà nước đầu thầu mua USD.

Gần như ngay lập tức, tỷ giá trong nước nhanh chóng hạ nhiệt sau động thái điều chỉnh trên nhưng không kéo dài được lâu trước khi bước vào một cơn sóng mới. Tính tới cuối tháng 2/2022, tỷ giá trung tâm và tỷ giá USD/VND giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại có chung xu hướng tăng so với tháng trước, lần lượt ở mức 0,18% và 0,69%.

*Các chuyên gia lưu ý đến 5 nguyên nhân dẫn đến diễn biến như sau :

Thứ nhất, số liệu từ Bộ Lao động Mỹ cho biết, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ở Mỹ tăng 0,6% vào tháng 1/2022, sau khi tăng 0,6% hồi tháng 12/2021. Theo đó chỉ số này đã tăng tới 7,5% trong vòng 12 tháng tính đến hết tháng 1/2022, mức tăng cao nhất trong vòng 40 năm qua kể từ năm 1982. Số liệu này cũng đánh dấu tháng thứ tư liên tiếp tăng chỉ số giá tiêu dùng hàng năm vượt quá 6%.

Với việc chỉ số CPI tăng lên mức cao mới, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) chắc chắn sẽ tìm cách thắt chặt chính sách tiền tệ để kiềm chế lạm phát vào cuối năm nay. Thậm chí, nhiều nhà phân tích còn cho rằng, trong bối cảnh lạm phát tăng nóng như vậy, khả năng cao Fed sẽ tăng lãi suất với mức độ nhiều hơn và sớm hơn so với dự kiến ban đầu.

Các kỳ vọng về đợt tăng lãi suất dần được phản ánh vào lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ. Trong đó, lợi suất kỳ hạn 2 năm tăng với tốc độ nhanh chóng mặt, sức mạnh đồng USD theo đó cũng được củng cố.

Thứ hai, căng thẳng địa chính trị giữa Nga – Ukraine khiến thị trường tài chính thế giới chao đảo. Trên thị trường ngoại hối, các đồng chủ chốt có tính trú ẩn cao như Yên Nhật, USD, Franc Thụy Sĩ... ngay trong ngày 24/2 tăng 1% - 1,25% so với ngày 23/2. Trong khi đó, từ đầu năm đến 23/2 vừa qua, các đồng tiền trên chỉ biến động nhẹ trong biên độ 0,4-0,5%.

Về triển vọng, nhiều chuyên gia nhận định thị trường ngoại hối dự báo vẫn có thể biến động với biên độ lớn trong thời gian tới nếu căng thẳng không dịu bớt. Và như vậy, tương quan tỷ giá cặp VND/USD sẽ dồn áp lực lên chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước.

Thứ ba, giá vàng trong nước điều chỉnh tăng mạnh và nới rộng chênh lệch giữa vàng trong nước với vàng thế giới lên hơn 17 triệu đồng/lượng. Với mức chênh lệch quá lớn, tình trạng gom USD để buôn lậu vàng là hiện hữu.

Thứ tư, theo Tổng cục Thống kê, trong 2 tháng đầu năm 2022, cán cân thương mại Việt Nam đang nhập siêu 0,9 tỷ USD. Trong khi đó, giai đoạn cao điểm của nguồn kiều hối đã trôi qua.

Thứ năm, nhu cầu mua ngoại tệ kỳ hạn của doanh nghiệp có xu hướng gia tăng cục bộ trước khả năng Fed sẽ tăng mạnh lãi suất.

*** Rủi ro về luật pháp**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, điều đó yêu cầu Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa phải đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu và đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về chất lượng của sản phẩm... Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình

là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019, mang đến cơ hội cho hàng Việt xuất sang các nước đã phê chuẩn CPTPP (Mexico, Nhật Bản, Singapore, New Zealand, Canada và Australia) với những ưu đãi thuế quan, được hưởng lợi lớn nhất là ngành dệt may. Hàng Việt Nam xuất sang các nước đã phê chuẩn CPTPP và hàng của các nước này vào Việt Nam sẽ hưởng mức thuế mới. Mỗi mặt hàng sẽ có một mức thuế cụ thể, cắt giảm theo lộ trình. Theo tính toán, trung bình mức thuế được cắt giảm khoảng hơn 60% cho lần đầu tiên; sau 3 năm sẽ lên đến trên 80%. Và cũng từ ngày 14/1/2019, mỗi cá nhân hoặc doanh nghiệp Việt Nam có thể nhập hàng hoá có giá trị dưới 1.000 USD từ các nước CPTPP và có thể yêu cầu được miễn thuế hoàn toàn theo mức thuế ưu đãi của Hiệp định. Bên cạnh việc cắt giảm thuế, các doanh nghiệp may mặc Việt Nam còn có cơ hội mở rộng thị trường sang những nước mà hàng Việt chưa tiếp cận được nhiều như Canada, Mexico, Australia...

Ngoài ra, ngành dệt may chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt bởi các quy định về bảo vệ môi trường: các quy chuẩn về nước thải công nghiệp, nước thải dệt may, hay vấn đề sử dụng lao động. Đặc biệt, trong năm 2014, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030, theo đó, việc phát triển ngành dệt may phải gắn liền với việc lựa chọn công nghệ phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời hạn chế tác động, gây ô nhiễm môi trường. Như vậy, xu hướng sự điều chỉnh, giám sát của hệ thống pháp lý Việt Nam đang dần trở nên khắt khe, chặt chẽ hơn. Công ty cũng phải chú ý hơn trong việc đáp ứng các đòi hỏi mà khung pháp lý đưa ra.

*** Rủi ro đặc thù**

*** Rủi ro cạnh tranh và rủi ro thị trường**

Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa cũng như các doanh nghiệp may mặc Việt Nam nói chung đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ cũng hoạt động trong lĩnh vực may xuất khẩu từ Ấn Độ, Indonesia, Bangladesh, Campuchia, Myanmar... có lợi thế về chi phí nhân công rẻ và được hưởng ưu đãi về thuế quan. Không chỉ từ phía nước ngoài, ngay cả các doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc trong nước với thương hiệu lâu năm cũng là những đối thủ của nhau. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá thành và tiến độ thực hiện hợp đồng.

*** Rủi ro nguồn nhân lực**

Là một ngành thâm dụng lao động, yếu tố nhân lực đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các công ty may mặc. Tuy nhiên, theo đánh giá của Hiệp hội may mặc Việt Nam, nhân lực ngành May mặc hiện đang thiếu chuyên gia trung và cao cấp, thiếu tạm thời nguồn lao động tại các thành phố lớn và khu công nghiệp.

Thêm vào đó, sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp may mặc có vốn đầu tư nước ngoài, các ngành giày da, điện tử phát triển, tạo nên sự cạnh tranh gay gắt về nhân công cùng với tình trạng chuyển dịch lao động phổ biến trong ngành cũng ảnh hưởng đến sự ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp may mặc.

Nhận thức được đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tay nghề cao là yếu tố quyết định mang lại thành công cho doanh nghiệp, AAT luôn chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên theo đúng mục tiêu đã đặt ra thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp và trình độ quản lý. Đồng thời, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp,

chế độ đãi ngộ thoả đáng cũng như quan tâm chăm sóc đời sống tinh thần để tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực cá nhân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp. Với chiến lược đó, Công ty đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên có trình độ tay nghề cao, đáng tin cậy và gắn bó lâu dài để thực hiện các mục tiêu phát triển.

Thanh Hóa là một tỉnh đông dân cư (gần 4 triệu dân), các nhà máy sản xuất của AAT đều đặt tại các khu vực nông thôn, vì thế Công ty luôn có nguồn lao động dồi dào và không chịu rủi ro về sự thiếu hụt nguồn nhân lực. Đây là rủi ro so với những Doanh nghiệp khác cùng ngành nhưng đối với Tiên Sơn Thanh Hóa lại là một lợi thế lớn.

*** Rủi ro về biến động giá cổ phiếu**

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, việc biến động giá cổ phiếu không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty, tình hình thị trường chứng khoán nói chung... Để giảm thiểu một cách tối đa rủi ro có thể xảy ra đối với biến động của giá cổ phiếu, ngay từ giai đoạn chuẩn bị hồ sơ đăng ký niêm yết, Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

*** Rủi ro khác**

*** Rủi ro bất khả kháng**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các kho hàng hóa, nguyên vật liệu.

Hỏa hoạn là rủi ro nguy hiểm với mọi doanh nghiệp song với công ty may mặc, nguyên vật liệu, thành phẩm đều là vật liệu dễ bắt lửa. Do vậy, công tác phòng chống cháy nổ luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Từng nhà xưởng, phòng ban của Công ty được trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy, mọi người lao động đều được trang bị kiến thức, kỹ năng chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc tổ chức diễn tập PCCC, góp phần nâng cao kiến thức cho người lao động khi tình huống xấu xảy ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2021

STT	Khoản mục	Năm 2021		% Tăng giảm doanh thu 2021/2020
		Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu hoạt động gia công	162.605.441.168	34.36%	226,50%
2	Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng	32.372.548.000	6.841%	-18,13%
3	Doanh thu hoạt động kinh doanh khách sạn	22.659.090	0,004%	-33,25%

4	Doanh thu hoạt động thương mại	274.480.022.154	58.008%	45,70%
5	Hoạt động may khâu trang	101.036.436	0.0213%	-98,35%
6	Doanh thu khác	3.593.290.236	0.7593%	108.77%
Tổng cộng		473.174.997.084	100.00%	

Là một doanh nghiệp may mặc chủ yếu may gia công xuất. Sản phẩm của Công ty chủ yếu các mặt hàng: áo sơ mi, quần tây, áo thun cao cấp, quần jean, phụ kiện trang phục... với thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ chiếm khoảng 60%, Hàn Quốc khoảng 30%, các nước khác khoảng 10%.

- Năm 2021 do Công ty đã lấy về nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn, Nhà Máy may xuất khẩu Sơn Hà, nên doanh thu từ hoạt động gia công tăng 226,50% so với năm 2020.

- Công ty đã Đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại như máy lập trình khổ lớn, máy nhồi bông, nhồi lông tự động, máy trải vải tự động, máy cắt vải tự động, đồng thời Công ty áp dụng triệt để công nghệ tiên tiến và cải tiến kỹ thuật làm tăng tốc độ sản xuất, tạo ra được nhiều sản phẩm hơn, các đơn hàng gia tăng cho những năm tiếp theo.

Bảng 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2021

STT	Khoản mục	Năm 2021	
		Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận hoạt động gia công	25,588,344,079	44.16
2	Lợi nhuận hoạt động cho thuê nhà xưởng	8,446,412,064	14.57
3	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh khách sạn	(78,783,993)	(0.13)
4	Lợi nhuận hoạt động thương mại	22,817,012,354	39.37
5	Lợi nhuận hoạt động khâu trang	(9,462,630)	(0.016)
6	Lợi nhuận khác	1,177,733,892	2.03
	Tổng cộng	57,941,255,766	100,00%

2, Tổ chức và nhân sự

a, Danh sách HĐQT

* Ông Trịnh Xuân Lâm - Chủ tịch Hội đồng quản trị



Họ và tên	Trịnh Xuân Lâm
Giới tính	Nam
Ngày sinh	15/07/1956
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 447, đường Trần Phú, phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Chứng minh nhân dân số	170171931 cấp ngày 28/07/2007 tại CA Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ	0917 96 9999
Trình độ chuyên môn	Đại học
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội Doanh nhân CCB Việt Nam; Ủy viên Ban chấp hành Hội CCB tỉnh Thanh Hóa; Ủy viên UBMTTQ tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch Hiệp hội Dệt may tỉnh Thanh Hóa; Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch hiệp hội doanh nhân CCB tỉnh Thanh Hóa; - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SWIMAX Vina - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Lam Ngọc

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 1995 đến 2007	Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 01/2008 đến 12/2008	Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh
Từ 01/2009 đến 02/2014	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tiên

	Son Thanh Hóa
Từ 03/2014 đến 08/2014	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 09/2014 đến 03/2015	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 04/2015 đến 12/2017	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP SWIMAX VINA Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT CCTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc
Từ 01/2018 đến 09/2019	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP SWIMAX VINA Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP may xuất khẩu Yên Định Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc
Từ 10/2019 đến 01/2020	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP SWIMAX VINA Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc
Từ 02/2020 đến 1/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP SWIMAX VINA Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc
Từ 2/2021 – đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc Chủ tịch HĐQT CTCP Tiên Sơn Nga Sơn Chủ tịch HĐQT Cty TNHH Victory Việt Nam

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2021 3,830,025 cổ phần, chiếm 6 % vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Công ty

Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
Nguyễn Thị Dụ	Vợ	115,000	0,17%
Trịnh Xuân Lượng	Con	1,115,000	1,74%
Trịnh Văn Dương	Con	501,750	0,78%
Trịnh Xuân Dưỡng	Con	46,000	0,072%
Trịnh Thị Dung	Con	11,150	0,017%
Trịnh Kim Giang	Con	11,150	0,017%
Nguyễn Thị Thùy	Con dâu	111	0,00017%
Nguyễn Thị Loan	Con dâu	111	0,00017%
Vũ Đình Lập	Con rể	111	0,00017%
Lê Thị Bảy	Em dâu	0	0,0%
Lê Thị Oanh	Em dâu	11,150	0,017%
Trịnh Xuân Tiến	Em trai	111	0,00017%
Lê Thị Hương	Em dâu	111	0,00017%
Trịnh Văn Lục	Em trai	111	0,00017%
Chu Xuân Anh	Em dâu	111	0,00017%
Trịnh Văn Song	Em trai	111	0,00017%
Đỗ Thị Hà	Em dâu	111	0,00017%
Trịnh Văn Nam	Em trai	0	0,0%
Trịnh Thị Mai	Chị gái	111	0,00017%
Nguyễn Hoàn Long	Anh rể	111	0,00017%
Trịnh Thị Hải	Em gái	111	0,00017%
Lê Đình Trác	Em rể	111	0,00017%
Trịnh Thị Hòa	Em gái	111	0,00017%
Trịnh Thị Hiền	Em gái	111	0,00017%
Lê Đăng Thuyết	Em rể	575,000	0,87%

*** Ông Trịnh Xuân Lượng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**



Họ và tên	Trịnh Xuân Lượng
Giới tính	Nam
Ngày sinh	18/08/1975
Quốc tịch	Việt Nam

Địa chỉ thường trú Khu phố 5, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa

Chứng minh thư số 171828174, cấp ngày 28/07/2007, tại công an Thanh Hóa

Điện thoại liên hệ 0362.888.888

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Lương Phát
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần May Tatsu
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần May Xuất khẩu Yên Định

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 1995 đến 2007	Phó Giám đốc công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 01/2008 đến 12/2008	Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2009 đến 2011	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 01/2012 đến 02/2014	Tổng Giám đốc công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát
Từ 03/2014 đến 07/2014	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát
Từ 08/2014 đến 11/2017	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát Thành viên HĐQT Công ty CP may Tatsu
Từ 12/2017 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát Thành viên HĐQT Công ty CP may Tatsu Thành viên HĐQT Công ty CP may xuất khẩu Yên Định Thành viên HĐQT Công ty CP may xuất khẩu Tiên Sơn Nga Sơn

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2021 1,115,000 cổ phần, chiếm 1,74% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Xuân Lâm	Bố	3,830,025	6%
Nguyễn Thị Dụ	Mẹ	115,000	0,17%
Nguyễn Văn Thịnh	Bố vợ	111	0,00017%
Phạm Thị Cường	Mẹ vợ	111	0,00017%
Nguyễn Thị Thùy	Vợ	111	0,00017%
Trịnh Văn Dương	Em trai	501,750	0,78%
Trịnh Xuân Dương	Em trai	46,000	0,072%
Trịnh Thị Dung	Em gái	11,150	0,017%
Trịnh Kim Giang	Em gái	11,150	0,017%
Nguyễn Thị Loan	Em dâu	111	0,00017%
Vũ Đình Lập	Em rể	111	0,00017%
Trịnh Bảo Anh	Con gái	0	0,0%
Trịnh Bảo Hân	Con gái	0	0,0%
Trịnh Xuân Phát	Con trai	0	0,0%

*** Ông Trịnh Văn Dương – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**



Họ và tên	Trịnh Văn Dương
Giới tính	Nam
Ngày sinh	14/08/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 447, đường Trần Phú, phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Căn cước công dân số	038079000565 cấp ngày 04/09/2019 tại CCS QLHC về TTXH
Điện thoại liên hệ	0911 73 8888
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam
 - Phó chủ tịch Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh Thanh Hóa
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Great Vina
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TDT Fashion Australia
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May Victory

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 2001 đến 2005	Du học Newzealand
Từ 2006 đến 2007	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2008 đến 06/2012	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 07/2012 đến 02/2014	Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 03/2014 đến 03/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam
Từ 04/2015 đến 07/2018	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Great Vina Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam
Từ 08/2018 đến 09/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty CP TDT Fashion Australia Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP Great Vina Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 10/2019 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Victory Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP TDT Fashion Australia Chủ tịch HĐQT Công ty CP Great Vina Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 11/2019 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP Great Vina Thành viên HĐQT Cty TNHH Victory Việt Nam Thành viên CTCP Tiên Sơn Nga Sơn Thành viên CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2021 501,750 cổ phần, chiếm 0,78% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật Không
 Các khoản nợ đối với Công ty Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có
 Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Xuân Lâm	Bố	3,830,025	6%
Nguyễn Thị Dụ	Mẹ	115,000	0,17%
Trịnh Xuân Lượng	Anh trai	1,115,000	1,74%
Nguyễn Thị Thùy	Chị dâu	111	0,00017%
Trịnh Xuân Dương	Em trai	46,000	0,072%
Trịnh Thị Dung	Em gái	11,150	0,017%
Trịnh Kim Giang	Em gái	11,150	0,017%
Nguyễn Thị Loan	Em dâu	111	0,00017%
Vũ Đình Lập	Em rể	111	0,00017%
Trịnh Văn Duy	Con trai	0	0,00%
Trịnh Minh Quân	Con trai	0	0,00%

*** Ông Lê Văn Ngọc – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**



Họ và tên Lê Văn Ngọc
 Giới tính Nam
 Ngày sinh 19/06/1976
 Quốc tịch Việt Nam
 Địa chỉ thường trú KP2 – Bắc Sơn – Bim Sơn – Thanh Hóa
 Căn cước công dân số 038076000991 cấp ngày 07/06/2016 tại CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư,
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Cao đẳng Y
 Chức vụ đang nắm giữ tại Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty:
 Chức vụ đang nắm giữ tại Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Lam Ngọc các tổ chức khác

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
-----------	---------------------------

Từ 2001 đến 2008	Trưởng trạm y tế Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2008 đến 03/2014	Giám đốc khách sạn Lam Ngọc kiêm Trưởng trạm y tế Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 03/2014 đến 04/2017	Kinh doanh phòng khám tư nhân
Từ 05/2017 đến nay	Kinh doanh phòng khám tư nhân Giám đốc Công ty CP TM tổng hợp Lam Ngọc

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2021 111 cổ phần, chiếm 0,00017% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Thị Tâm	Mẹ	0	0,0%
Lê Thị Lan	Mẹ vợ	0	0,0%
Dương Thị Dung	Vợ	111	0,00017%
Lê Văn Tùng	Anh trai	0	0,0%
Mai Thị Minh Hiền	Chị dâu	0	0,0%
Lê Ngọc Thi	Con trai	0	0,0%
Lê Ngọc Danh	Con trai	0	0,0%

*** Ông Lương Văn Quyết - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**



Họ và tên Lương Văn Quyết

Giới tính Nam

Ngày sinh 20/10/1973

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Hà Yên – Hà Trung – Thanh Hóa

Chứng minh nhân dân số 171622053 cấp ngày 23/07/2014 tại CA Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn Trung cấp Y

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại Không

các tổ chức khác

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 2003 đến 10/2008	Quản đốc Xưởng tạo cốt – NM gỗ Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 11/2008 đến 12/2009	Phó Giám đốc Nhà máy gỗ Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2010 đến 2011	Quản đốc xưởng tạo cốt và Vóc – Nhà máy gỗ Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2012 đến 02/2014	Kiểm Phó chủ tịch hội CCB Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 03/2014 đến 07/2018	Làm tự do
Từ 08/2018 đến nay	Thành viên độc lập HĐQTCTCP Tiên Sơn Thanh Hóa

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2021 111 cổ phần, chiếm 0,00017% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Đình Thị Hạ	Mẹ đẻ	0	0,00%
Bùi Thị Kết	Mẹ vợ	0	0,00%
Tống Thị Luyện	Vợ	0	0,00%
Lương Thị Lam	Chị gái	0	0,00%
Lê Xuân Tú	Anh rể	0	0,00%
Lương Thị Liên	Chị gái	0	0,00%
Nguyễn Văn Dũng	Anh rể	0	0,00%
Lương Thị Thanh Tâm	Cong gái	0	0,00%
Lương Toàn Thắng	Con trai	0	0,00%
Lương Gia Huy	Con trai	0	0,00%

b, Ban tổng giám đốc

Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	CMND/CCCD	Chức vụ
1	Trịnh Xuân Lượng	171828174	Tổng Giám đốc
2	Trịnh Văn Dương	038079000565	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Đăng Thuyết	038071003683	Phó Tổng Giám đốc
4	Trịnh Xuân Dưỡng	038082013849	Phó Tổng Giám đốc

*** Ông Trịnh Xuân Lượng – Tổng Giám đốc**

Sở hữu cá nhân tính đến 575,000 cổ phần, chiếm 0,87% vốn điều lệ của Công ty ngày 31/12/2020

Sở hữu đại diện 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Thị Hiền	Vợ	111	0,00017%
Lê Thị Trang	Con gái	111	0,00017%
Lê Thị Nhung	Con gái	111	0,00017%
Lê Đăng Hiếu	Con trai	111	0,00017%
Lê Quyền	Con rể	11,150	0,017%

*** Ông Trịnh Xuân Dương - Phó Tổng Giám đốc**



Họ và tên	Trịnh Xuân Dương
Giới tính	Nam
Ngày sinh	15/09/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khu đô thị mới Đông Sơn, Phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa
Căn cước công dân số	038082013849 cấp ngày 25/10/2018 tại CCS QLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	Đại học
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Giám đốc Công ty cổ phần May Tatsu

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 2007 đến 2008	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2008 đến 05/2009	Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 06/2009 đến 2012	Trợ lý Tổng giám đốc - Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 01/2013 đến 01/2014	Giám đốc Nhà máy may Công ty CP may Lucky TS
Từ 01/2014 đến 02/2014	Trợ lý Giám đốc Công ty CPSXTM&ĐT Việt Thanh
Từ 03/2014 đến 12/2016	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa Trợ lý Giám đốc Công ty CPSXTM&ĐT Việt Thanh
Năm 01/2017 đến 12/2017	Phó Tổng Giám đốc CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa Trợ lý Giám đốc Công ty CPSXTM&ĐT Việt Thanh
Tháng 01/2018 đến nay	Giám đốc Công ty CP may Tatsu Phó Tổng Giám đốc CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2020 46,000 cổ phần, chiếm 0,072% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Xuân Lâm	Bố	3,830,025	6%
Nguyễn Thị Dụ	Mẹ	115,000	0,17%
Trịnh Xuân Lượng	Anh trai	1,111,500	2,87%
Nguyễn Thị Thùy	Chị dâu	111	0,00017%
Trịnh Văn Dương	Anh trai	501,750	0,78%
Trịnh Thị Dung	Em gái	11,150	0,017%
Trịnh Kim Giang	Em gái	11,150	0,017%
Nguyễn Thị Loan	Vợ	111	0,00017%
Vũ Đình Lập	Em rể	111	0,00017%
Trịnh Minh Châu	Con gái	0	0,00%
Trịnh Linh Chi	Con gái	0	0,00%

c, Chính sách với người lao động

*** Tình hình lao động:**

- Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy, Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình

độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

*** Chính sách đối với người lao động:**

*** Chính sách tuyển dụng**

Với mục tiêu góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự gần nơi làm việc, Đối với chức danh công việc cần chuyên môn nghiệp vụ Công ty tiến hành tổ chức thi tuyển, phỏng vấn và đối với công nhân lao động trực tiếp, việc tuyển dụng thông qua việc xem xét văn bằng chứng chỉ nghề không qua thi tuyển, phỏng vấn,

*** Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ, Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: Công ty thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành; Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác,

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

*** Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

Công ty xây dựng đầy đủ Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, theo đó người lao động được trả lương, thưởng theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, Hàng tháng, quý, năm đều có đánh giá để xét nâng lương, xét khen thưởng các danh hiệu, Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc, Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí, Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

*** Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Xác định người lao động là tài sản vô giá của doanh nghiệp, do đó Công ty đã có nhiều biện pháp để cải thiện môi trường lao động và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, Công ty luôn đảm bảo đầy đủ các chế độ, quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương các ngày nghỉ Lễ, Tết, phép năm, môi trường làm việc an toàn...

Ngoài ra, Công ty còn đảm bảo các chế độ phúc lợi của Công ty cho người lao động như: tiền phụ cấp chuyên cần, phụ cấp xăng xe, nhà ở cho người lao động; Thưởng tiền lương tháng

J222
NG
PH
V SC
H H
THA

13; tổ chức ăn ca miễn phí đảm bảo sức khỏe cho người lao động, ở nhà tập thể, có Nhà trẻ miễn phí; Trạm y tế chăm sóc và tổ chức khám sức khỏe ban đầu; Duy trì tổ chức cho tất cả cán bộ công nhân viên được đi nghỉ mát hằng năm; Quan tâm động viên thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời người lao động lúc ốm đau, hoạn nạn, hiếu, hỷ, gia đình gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn,

Nâng lương cho cán bộ nghiệp vụ, thi nâng bậc cho công nhân, khen thưởng động viên kịp thời cho những lao động đạt thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, Quan tâm đến chính sách lao động nữ, tạo điều kiện cho chị em nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đề bạt một số chị em có năng lực giữ các cương vị chủ chốt v.v...

3, Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

- Hiện tại công ty đã có Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa số 2941/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may xuất khẩu Thọ Xuân, Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân và đang tiến hành xây dựng,

4, Tình hình tài chính

a, Tình hình tài chính

Bảng 5: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn năm 2020-2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2020	2021	% Tăng giảm 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	579,863,831,008	976,612,415,331	68,42%
2	Vốn chủ sở hữu	424,933,545,217	668,736,814,476	57,37%
3	Doanh thu thuần	287,098,931,865	473,174,997,084	64,81%
4	Giá vốn hàng bán	251,001,713,755	415,233,741,318	65,43%
5	Lợi nhuận thuần HĐKD	13,048,533,785	33,051,878,784	153,30%
6	Lợi nhuận khác	5,221,578,396	3,646,692,313	-30,16%
7	Lợi nhuận trước thuế	18,630,112,181	36,698,571,097	96,99%
8	Lợi nhuận sau thuế	14,038,467,792	28,813,656,259	105,25%
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	3,3	4,3	30,30%
10	Tỷ lệ LN trả cổ tức (%)	10%	3%	-70,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 của CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

Trong năm 2021, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 473,174 tỷ đồng và 28,813 tỷ đồng, tăng 64,81% và 105,25% so với năm 2020, Nguyên nhân tăng trưởng: Trong năm 2021 Công ty đã lấy lại 02 Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà và Yên Định nên việc gia công tăng trưởng lợi nhuận tăng so với năm 2020.

* Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn, Căn cứ vào báo cáo tài chính đã

kiểm toán 2020, 2021 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ theo quy định của nhà nước,

*** Các khoản phải nộp theo luật định**

Bảng 6: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Thuế giá trị gia tăng	0	
2	Tiền Thuê đất + TNCN	180,821,057	163,912,366
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,591,644,389	7,116,300,883
Tổng cộng		4,772,465,446	7,280,213,249

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

*** Các khoản phải thu**

Bảng 7: Các khoản phải thu

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020 (đồng)	31/12/2021 (đồng)
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	134,465,379,924	211,634,262,990
1	Phải thu của khách hàng	80,800,122,967	40,608,448,383
2	Trả trước cho người bán	34,193,028,910	141,713,228,613
3	Các khoản phải thu khác	19,472,228,047	29,312,585,994
4	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(251,557,083)	
II	Các khoản phải thu dài hạn	15,000,000,000	55,000,000,000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

Bảng 8: Chi tiết Khoản phải thu khác

	Chỉ tiêu	31/12/2020 (đồng)	31/12/2021 (đồng)
I	Ngắn hạn	29,312,585,994	19,472,228,047
1	Tạm ứng	19,812,585,994	19,472,228,047
2	Cổ tức phải thu		
3	Phải thu khác	9,500,000,000	
II	Dài hạn	55,000,000,000	15,000,000,000
1	Ký cược, ký quỹ	55,000,000,000	15,000,000,000
2	Phải thu khác		
	Tổng cộng	84,312,585,994	34,472,228,047

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

*** Các khoản phải trả**

Bảng 9: Các khoản phải trả

STT	Khoản mục	31/12/2020 (đồng)	31/12/2021 (đồng)
I	Nợ ngắn hạn	92,181,891,828	115,701,731,526
1	Vay và nợ ngắn hạn	82,848,350,597	79,215,175,268
2	Phải trả người bán	3,665,368,385	12,872,688,710
3	Người mua trả tiền trước	416,888,029	1,655,033,858
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4,772,465,446	7,280,213,249
5	Phải trả người lao động	341,685,373	4,874,512,912
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác		
7	Chi phí phải trả ngắn hạn	36,041,168	9,662,750,000
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	101,092,830	101,092,830
II	Nợ dài hạn	62,748,393,963	192,173,869,329
1	Phải trả dài hạn khác	32,604,629,866	53,687,591,709
2	Vay và nợ dài hạn	30,143,764,097	138,486,277,620
	Tổng cộng	154,930,285,791	307,875,600,855

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 của CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,87	2,97
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,69	2,81
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,27	0,32
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			0,46
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	12,15	23,86

- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,49	0,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,27	6,09
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,42	4,31
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,67	2,95
- Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,27	6,99

5, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cơ cấu cổ đông:

Bảng 11: Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm ngày 15/10/2021

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1,	Cổ đông trong nước	2408	63,801,489	638,014,890,000	100%
	+ Tổ chức	04	352228	3,522,280,000	0,55%
	+ Cá nhân	2404	63,423,289	634,232,890,000	99,446%
2,	Cổ đông nước ngoài	23	25972	0	0
	+ Tổ chức	0	0	0	0
	+ Cá nhân	23	25972	25,972,000	0,004%
	Tổng số	2431	63,801,890	638,014,890,000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa)

b, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

c, Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

6, Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a, Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa là gia công các sản phẩm may mặc xuất khẩu, do đó nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào chủ yếu của Công ty bao gồm: vải thô, bán thành phẩm gia công và một số nguyên vật liệu phụ trợ khác, hầu hết những yếu tố đầu vào trên đều được nhập khẩu từ nước ngoài như: Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Ấn Độ, Mỹ,...Ngoài ra, Công ty cũng đang tìm kiếm và ký kết hợp đồng với một số đối tác trong nước về cung ứng một số nguyên vật liệu phụ trợ nội địa như: sợi, chỉ, ...

Bên cạnh đó, mảng hoạt động thương mại cũng là một trong những hoạt động mang lại nhiều doanh thu cho doanh nghiệp, Nguyên vật liệu đầu vào của hoạt động này chủ yếu là: vải vóc, quần áo và nông sản,

Ngoài ra, công ty còn có thêm mảng hoạt động liên quan tới các yếu tố đầu vào là hoạt động kinh doanh khách sạn, Đối với hoạt động kinh doanh khách sạn, nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu gồm các sản phẩm phụ trợ cho khách sạn như kem đánh răng, xà bông, dầu gội, ...

b, Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : khoảng 2,500,000 Kw/năm

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 5000Kw.

c, Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: khoảng 9,804m³

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 15%

d, Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

đã được Công ty thực hiện tốt, hệ thống nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung trước khi thải ra môi trường chung, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; Hệ thống lò hơi được trang bị công nghệ mới; Rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại được phân loại riêng biệt, lưu trữ và xử lý theo hợp đồng với các đơn vị có chuyên môn xử lý, Tất cả các nhà máy đều được đầu tư khuôn viên cây xanh, hồ vi khí hậu, hệ thống làm mát bằng hơi nước, hệ thống quạt thông gió, cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo sức khỏe cho NLD và môi trường xung quanh, Từ khi thành lập đến nay công ty không vi phạm về Luật môi trường,

e, Chính sách liên quan đến người lao động:

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa đã xây dựng và phát triển chế độ lao động, chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động,

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy, Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình,



Ngoài tiền lương, người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, quyền lợi theo quy định của Nhà nước như: được đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; được hưởng tiền lương các ngày nghỉ Lễ, Tết, phép năm và những ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật lao động, Luật BHXH,

Ngoài ra NLD còn được hưởng các chế độ phúc lợi của công ty như: tiền thưởng các ngày Lễ, Tết; lương tháng thứ 13; tiền chuyên cần, xăng xe, nhà ở; được ăn ca, có nhà giữ trẻ miễn phí, được hưởng các chế độ khen thưởng, thăm hỏi và thăm quan nghỉ mát hàng năm theo quy định của công ty,

Thời gian làm việc tại công ty là 8h/ngày, Công ty thường xuyên quan tâm tới các hoạt động học tập, nâng cao tay nghề của cán bộ công nhân viên trong công ty, Khuyến khích cán bộ công nhân viên học tập, hỗ trợ kinh phí khi tham gia các chương trình đào tạo,
f, Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Cùng với việc phát triển, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, trong những năm qua Công ty đã trích một phần kinh phí từ lợi nhuận, quan tâm đến công tác hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo: Nhân phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ liệt sỹ từ năm 1996 tại thị xã Bim Sơn; phụng dưỡng suốt đời 4 Mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện Như Thanh; đã xây tặng được tổng số 31 ngôi nhà tình nghĩa; Tặng hàng trăm sổ tiết kiệm cho người nghèo, gia đình chính sách; tặng hàng nghìn xuất quà cho các hộ nghèo, tặng quà cho các Cựu cao niên nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm; Đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, học bổng cho sinh viên nghèo học giỏi, giải thưởng cho học sinh đoạt huy chương trong các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế; Tài trợ khám và cấp thuốc chữa bệnh cho người nghèo; Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt. Tổng số tiền đóng góp xã hội, từ thiện nhân đạo từ khi thành lập đến nay là 21 tỷ đồng. Riêng năm 2021, công ty đã đóng góp cho công tác xã hội, từ thiện nhân đạo 2,9 tỷ đồng. Trong đó ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19 hơn 2,5 tỷ đồng.

Có thể nói, những hoạt động xã hội từ thiện của Công ty trong năm qua không chỉ giúp đỡ về vật chất và động viên tinh thần cho các đối tượng chính sách, khó khăn mà còn có tác dụng sâu sắc trong việc giáo dục cho người lao động về tình cảm, mối quan hệ xã hội tốt đẹp đối với nhân dân, đồng nghiệp. Qua đó, kết tinh những tấm lòng nhân ái của mái nhà chung Tiên Sơn hướng về cộng đồng, trên tinh thần đoàn kết, trách nhiệm xã hội và phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc. Đây là việc làm thể hiện tính nhân văn, tạo được sức lan tỏa, từ đó thu hút được nhiều doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong tỉnh cùng hưởng ứng tích cực. Với kết quả đó công ty đã nhiều lần được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, UBMTQ tỉnh, UBMTTQ Việt Nam, Hội khuyến học tỉnh, Hội khuyến học Việt Nam tặng bằng khen “Đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động khuyến học, khuyến tài, góp phần xây dựng xã hội học tập tại một số địa phương của đất nước”.

III, Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1, Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện 2021 (Triệu đồng)	Thực hiện/ kế hoạch
1	Vốn điều lệ	638,000,000,000	638,014,890,000	100,002%
2	Doanh thu	500,000,000,000	473,174,997,084	94.63%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	50,000,000,000	28,813,656,259	57.62%
4	LNST/VCSH (ROE)	Không thấp hơn 7,5%	4,3%	57.3%

Năm 2021 thực sự là một năm thách thức đối với ngành dệt may do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19, mặc dù chúng ta có hai hiệp định chính thức đi vào hiệu lực nhưng đối với thế giới thì tăng trưởng toàn cầu chững lại, dự báo GDP đều giảm ở các nền kinh tế mà ngành dệt may Việt Nam xuất khẩu chính như Mỹ, Nhật,

Nhận định sát tình hình, ngay từ đầu năm ĐHĐCĐ Công ty đã đề ra những chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh sát thực cho năm 2021 và những giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện, Tuy nhiên, chỉ tiêu Doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra do trong năm 2021, công ty có một số dự án dự kiến đưa vào sản xuất nhưng chưa kịp so với kế hoạch, cùng với việc phải trích lập dự phòng cho khoản phải thu ngoài dự tính nên Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa đạt mục tiêu đề ra, Tuy nhiên với kinh nghiệm và nguồn lực tích lũy được sau nhiều năm xây dựng và phát triển, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban Điều hành tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác nước ngoài đồng thời tiếp tục đầu tư sang một số ngành nghề, lĩnh vực mới tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

2. Tình hình tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA), Số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2021 như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021
I	Tài sản ngắn hạn	343,223,419,995
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	93,316,439,908
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	211,634,262,990
4	Hàng tồn kho	17,819,372,760
5	Tài sản ngắn hạn khác	19,453,344,337
II	Tài sản dài hạn	633,388,995,336
1	Tài sản cố định	434,928,202,407
2	Tài sản dài hạn dở dang	55,217,003,411
3	Đầu tư tài chính dài hạn	67,322,000,000
4	Các khoản phải thu dài hạn	
5	Tài sản dài hạn khác	20,921,789,518
III	Nợ phải trả	307,875,600,855
1	Nợ ngắn hạn	115,701,731,526
2	Nợ dài hạn	192.173.869.329
IV	Vốn chủ sở hữu	668,736,814,476
Tổng cộng Tài sản/Nguồn vốn		976,612,415,331

(Nguồn: BCTC năm 2021 của Công ty đã kiểm toán)

3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong công tác quản trị sản xuất kinh doanh, con người luôn là yếu tố trung tâm đối với Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa, Để phát huy tốt nhất hiệu quả hoạt động của từng cán bộ công nhân viên, Công ty đã đưa ra một số cải tiến nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động tinh gọn nhưng hiệu quả, Hệ thống cấp bậc nhân sự để chuẩn hóa các vị trí nhân sự trên quy mô toàn Công ty đã từng bước đi vào nề nếp và từng bước áp dụng trong các tính và chi trả lương xứng đáng để tạo động lực cho người lao động, Công ty đã chuẩn hóa, áp dụng thống nhất trong thực tế Quy chế tiền lương và các phụ lục quy định về hệ thống cấp bậc nhân sự; Quy chế Quản lý tài sản,

- Tạo cơ hội thay thế công việc lặp đi lặp lại không cần kỹ năng, kinh nghiệm, công việc độc hại, dễ gây tai nạn, bằng máy móc công nghệ mới;

- Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động;

- Tạo sức ép để đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng cho người lao động;

Ngoài ra, Công ty cũng nghiên cứu giải pháp phần mềm quản trị nhân sự để áp dụng trong thời gian tới,

4, Kế hoạch phát triển trong tương lai

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022 (Triệu đồng)
1	Vốn điều lệ	1,288,000
2	Doanh thu thuần	800,000
3	Lợi nhuận sau thuế	80,000
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ (ROE)	5,8%
5	Tỷ lệ trả cổ tức	6 %

- Xác định Ngành may vẫn là mũi nhọn,

- Đầu tư dự án biển, du lịch sinh thái,

- Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp,

- Phương án Xây dựng tổ hợp khu thương mại dịch vụ và khu nhà ở xã hội,

5, Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đã trình bày tại phần II,6

IV, Đánh giá của Hội đồng quản trị

1, Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nền kinh tế Việt Nam chưa khởi sắc rõ nét, HĐQT đã quyết tâm đề ra nhiều giải pháp, tận dụng mọi cơ hội để phát triển, từng thành viên của HĐQT đã phát huy cao vai trò trách nhiệm được phân công, hoàn thành tốt nhiệm vụ,

2, Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện mục tiêu của Công ty năm 2021, Kết quả đạt được là sự cố gắng không biết mệt mỏi của Ban điều hành, với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương

của Hội đồng quản trị, Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn, Kết quả đạt được trên tất cả các ngành sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông, HĐQT tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Giám đốc công ty sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới trong nước, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, phức tạp.

3, Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào định hướng phát triển Công ty, Hội đồng quản trị đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh chính của giai đoạn 2021 – 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	638,014	1,288,000
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	473,174	800,000
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	28,813	80,000
4	Tỷ lệ LNST/VCSH (ROE)	%	4,3%	5,8%
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	3%	6%

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cũng như trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra một số định hướng như sau:

- Tập trung phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh cho ngành may xuất khẩu để chủ động trước các biến động của thị trường thế giới, Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa để gia tăng hiệu quả trong sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc, Chú trọng công tác thiết kế thời trang, tạo ra các sản phẩm dệt may có tính khác biệt cao, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Đẩy nhanh việc áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu hội nhập trong ngành dệt may, Tăng nhanh sản lượng các sản phẩm dệt may, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

- Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

V, Quản trị công ty

1, Hội đồng quản trị

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm từ 2018 – 2022. Cả 05 thành viên HĐQT đều là những người đã tham gia HĐQT trong nhiệm kỳ trước.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động định hướng, giám sát, chỉ đạo thông qua các cuộc họp và ban hành các nghị quyết quan trọng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 19 cuộc họp với các thành viên tham dự đầy đủ, nội dung biểu quyết đều có tính thống nhất cao, Cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	19/19	100%
2	Trịnh Xuân Lượng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	19/19	100%
3	Trịnh Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	19/19	100%
4	Lê Văn Ngọc	Thành viên HĐQT	19/19	100%
5	Lương Văn Quyết	Thành viên HĐQT	19/19	100%

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2021. Hội đồng quản trị đương nhiệm đã tích cực thể hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban điều hành về triển khai các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông hoặc về việc chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị xem xét.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo phù hợp trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi Hội đồng quản trị và qua quá trình theo dõi, giám sát thực tế tại Công ty,
- Trực tiếp góp ý, chỉ đạo ban điều hành trong một số vấn đề, nội dung quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

*** Tổng kết các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2021**

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thông qua những nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	0501-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	05/01/2021	V/v: Giao dịch với các bên có liên quan	100%
2	0202-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	02/02/2021	V/v: Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	100%
3	0103-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	01/03/2021	V/v: Về việc thông qua ngày chính thức giao dịch và giá tham chiếu của cổ phiếu AAT trong ngày giao dịch đầu tiên.	100%
4	2204-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	22/04/2021	V/v: Thông qua việc gia hạn thời gian Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông	100%

			thường niên năm 2021.	
5	0505-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	05/05/2021	V/v: Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
6	2705-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	27/05/2021	V/v: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng, Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Phó giám đốc tài chính công ty	100%
7	2206-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	22/06/2021	V/v: Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa	100%
8	3007-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	30/07/2021	V/v: trình ĐHCĐ trong cuộc họp gần nhất thông qua loại bỏ/ điều chỉnh một số ngành nghề kinh doanh	100%
9	0408-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	04/8/2021	V/v: triển khai PA phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông	100%
10	0908-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	09/8/2021	V/v: lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thông báo chốt danh sách cổ đông	100%
11	1408-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	14/8/2021	V/v: triển khai phương án, thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021	100%
12	1509-1/2021/NQ/HĐQT-AAT	15/09/2021	V/v: chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu 2019 và tiền mặt 2020	
13	2209-2/2021/CV-AAT	23/9/2021	V/v: Thay đổi ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019 và bằng tiền mặt năm 2020	100%
14	2509-3/2021/NQ/HĐQT-AAT	25/9/2021	V/v: Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2021	100%
15	2509-5/2021/NQ/HĐQT-AAT	25/9/2021	V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2021	100%
16	2509-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	25/9/2021	V/v: Điều chỉnh bổ sung chi tiết một số nội dung tại Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà Đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đã được	100%

			Đại hội đồng cổ đông thông qua	
17	0311-4/2021/NQ/HĐQT-AAT	03/11/2021	V/v: Đăng ký niêm yết bổ sung 4.001.489 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Thông qua việc bổ sung, sửa đổi điều lệ Công ty theo ủy quyền Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
18	2312-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	23/12/2021	V/v: Điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành theo phương án phát hành cổ phiếu tăng thêm vốn điều lệ năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản năm 2021 thông qua ngày 25/09/2021	100%
19	2912-2/2021/NQ/HĐQT-AAT	29/12/2021	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ; sửa đổi điều lệ đăng ký kinh doanh; đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung.	100%

Trong năm 2021 vừa qua, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị trong quản lý, điều hành Công ty, triển khai các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch kịp thời và đúng đắn, đảm bảo phát triển vốn và quyền lợi của cổ đông, các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Trong năm 2021, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ và pháp luật, Ban điều hành có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, duy trì các cuộc họp giao ban hàng tuần để có sự chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

Với kết quả kinh doanh chưa đạt được theo kế hoạch đề ra của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã có những sự thay thế, tái cơ cấu để trong năm 2021 Công ty sẽ đạt được những thay đổi tích cực, phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

2, Ban kiểm soát:

* Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên trong đó có 01 trưởng ban và 02 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, từ năm 2018 - 20220

STT	Tên thành viên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng CP sở hữu	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác
1	Ông Đinh Bộ Lễ	Trưởng BKS	100	Không có

2	Ông Trịnh Văn Tâm	Thành viên BKS	100	Không có
3	Bà Nguyễn Thị Giang	Thành viên BKS	100	Không có

*** Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021**

Trong năm 2021, với quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp,

- Kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành Công ty thông qua giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy chế nội bộ Công ty của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, kiểm soát thủ tục, trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy trình.

- Thẩm định các báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, Kết hợp với Công ty kiểm toán thẩm định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

- Tham gia công tác kiểm kê định kỳ để thẩm định tình hình vốn và nguồn vốn của Công ty.

- Tham gia và đóng góp các ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát đều họp để đưa ra những nhận xét, đánh giá về những nội dung trên,

3, Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

*** Thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2021**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao	Tổng thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	3,000,000	36,000,000
2	Thành viên HĐQT	4	12	1,500,000	72,000,000

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao	Tổng thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	3,000,000	36,000,000
2	Thành viên HĐQT	4	12	1,500,000	72,000,000

*** Thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2021**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao	Tổng thù lao
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	12	2,000,000	24,000,000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	12	1,000,000	24,000,000

VI, Báo cáo tài chính

*** Ý kiến của kiểm toán**

“Căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA): Đính kèm



XÁC NHẬN THEO ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Trịnh Xuân Lâm



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-9
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công Ty”) tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa, chuyển sang công ty cổ phần từ 10/03/2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800222245, đăng ký lần đầu ngày 22/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13/01/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	Chức vụ
Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch
Ông Trịnh Xuân Lượng	Thành viên
Ông Trịnh Văn Dương	Thành viên
Ông Lê Văn Ngọc	Thành viên
Ông Lương Văn Quyết	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

	Chức vụ	
Ông: Trịnh Xuân Lượng	Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Ngọc Thu	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 27/05/2021
Ông Tống Anh Linh	Phó Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 27/05/2021

BAN KIỂM SOÁT

Ông Đinh Bộ Lễ	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trịnh Văn Tâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Giang	Thành viên
Trụ sở đăng ký	Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
Công ty Kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm, báo cáo này đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022.

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trịnh Xuân Lượng

Số: 258/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa được lập ngày 19/01/2022, từ trang 6 đến trang 36 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán :

0373 – 2018 – 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 15 tháng 03 năm 2022

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán :

1320-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		343,223,419,995	172,575,490,167
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	93,316,439,908	19,726,020,423
111	1. Tiền		90,202,549,908	19,726,020,423
112	2. Các khoản tương đương tiền		3,113,890,000	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.10	1,000,000,000	1,000,000,000
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá CK kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1,000,000,000	1,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		211,634,262,990	134,465,379,924
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.02	40,608,448,383	80,800,122,967
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.03	141,713,228,613	34,193,028,910
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ HỖXD			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	V.04	29,312,585,994	19,472,228,047
137	7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	17,819,372,760	16,993,740,870
141	1. Hàng tồn kho		17,819,372,760	16,993,740,870
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19,453,344,337	390,348,950
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.06		
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		19,330,285,378	267,289,991
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	123,058,959	123,058,959
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		633,388,995,336	407,288,340,841
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		55,000,000,000	15,000,000,000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.03	55,000,000,000	15,000,000,000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		434,928,202,407	297,479,927,858
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	426,431,944,440	290,418,180,092
222	- Nguyên giá		688,719,804,617	527,632,224,828
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-262,287,860,177	-237,214,044,736
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	8,496,257,967	7,061,747,766
228	- Nguyên giá		8,851,528,000	7,804,047,100
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-355,270,033	-742,299,334
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.09	55,217,003,411	16,121,923,000
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		55,217,003,411	16,121,923,000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.10	67,322,000,000	67,322,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		67,322,000,000	67,322,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		20,921,789,518	11,364,489,983
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.06	20,921,789,518	11,364,489,983
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		976,612,415,331	579,863,831,008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		307,875,600,855	154,930,285,791
310	I. Nợ ngắn hạn		115,701,731,526	92,181,891,828
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	12,872,688,710	3,665,368,385
312	2. Người mua trả trước ngắn hạn		1,655,033,858	416,888,029
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	7,280,213,249	4,772,465,446
314	4. Phải trả công nhân viên		4,874,512,912	341,685,373
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		40,264,699	
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	9,662,750,000	36,041,168
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	79,215,175,268	82,848,350,597
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ Khen thưởng phúc lợi		101,092,830	101,092,830
323	13. Quỹ Bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu CP			
330	II. Nợ dài hạn		192,173,869,329	62,748,393,963
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Người mua trả trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.13	53,687,591,709	32,604,629,866
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14	138,486,277,620	30,143,764,097
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế TNDN hoàn lại phải trả			
342	12. Dự phòng nợ phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

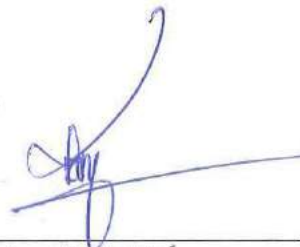
Đơn vị tính: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		668,736,814,476	424,933,545,217
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	668,736,814,476	424,933,545,217
411	1. Vốn góp của Chủ sở hữu		638,014,890,000	348,000,000,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		638,014,890,000	348,000,000,000
411b	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(210,000,000)	
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		439,500,000	439,500,000
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		18,000,000	18,000,000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30,474,424,476	76,476,045,217
421a	<i>LNST chưa p/phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		1,660,768,217	62,437,577,425
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		28,813,656,259	14,038,467,792
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		976,612,415,331	579,863,831,008



Lê Thị Nguyên
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022



Hoàng Đình Thắng
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	VI.01	473,174,997,084	287,098,931,865
02	2. Các khoản giảm trừ			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp d/vụ	VI.02	473,174,997,084	287,098,931,865
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	415,233,741,318	251,001,713,755
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp d/vụ		57,941,255,766	36,097,218,110
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	1,103,229,507	415,189,461
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	10,628,628,929	10,839,135,730
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		10,174,216,357	10,545,780,722
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	2,161,163,311	2,568,852,966
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	13,202,814,249	9,695,885,090
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD		33,051,878,784	13,408,533,785
31	11. Thu nhập khác	VI.08	6,394,149,014	5,925,830,095
32	12. Chi phí khác	VI.09	2,747,456,701	704,251,699
40	13. Lợi nhuận khác		3,646,692,313	5,221,578,396
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36,698,571,097	18,630,112,181
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	7,884,914,838	4,591,644,389
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28,813,656,259	14,038,467,792
61	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	820	403
62	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	820	403



Lê Thị Nguyên
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022



Hoàng Đình Thắng
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		530,438,953,331	297,924,745,573
02	2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(442,427,370,863)	(301,664,137,910)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(21,406,651,277)	(5,873,721,794)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(10,133,951,658)	(10,404,222,002)
05	5. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp đã nộp		(5,360,258,344)	(5,450,551,514)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		103,350,070,327	67,667,092,568
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(106,310,736,964)	(41,180,000,245)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		48,150,054,552	1,019,204,676
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH				
21	khác		-296,957,978,771	-29,960,257,964
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ			65,154,773,200
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		207,033,836	61,225,677
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(296,750,944,935)	35,255,740,913
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp				
31	của chủ sở hữu		250,000,000,000	
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	VII.01	346,559,293,748	166,371,786,517
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	VII.02	-241,326,577,646	-187,107,753,534
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính			(939,440,000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-33,052,045,000	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		322,180,671,102	(21,675,407,017)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		73,579,780,719	14,599,538,572
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19,726,020,423	5,126,341,359
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		10,638,766	140,492
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		93,316,439,908	19,726,020,423



Lê Thị Nguyên
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022



Hoàng Đình Thắng
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công Ty”) tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800222245, đăng ký lần đầu ngày 22/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13/01/2022.

Vốn điều lệ của công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Vốn điều lệ của Công ty là 638.014.890.000 (Sáu trăm ba mươi tám tỉ, không trăm mười bốn triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).

Trụ sở công ty: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ, sản xuất;

3. Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Kinh doanh hàng sơn mài, mỹ nghệ, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Chi tiết: Dịch vụ nhà đất
- Bán phụ tùng và các loại bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Chi tiết: Bán buôn vật tư, máy thiết bị công nghiệp và xây dựng
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, hàng sơn mài mỹ nghệ
- Đại lý môi giới, đấu giá

- Chi tiết: Đại lý vật tư, máy móc thiết bị công nghiệp và xây dựng, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy
- Chế biến hàng nông, lâm sản, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, hàng nông sản, hàng sơn mài mỹ nghệ và hàng dệt may.

4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 Quy mô doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2021, công ty có một chi nhánh tại Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA – CHI NHÁNH TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: Số 99 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt nam.

Tại thời điểm 31/12/2021, công ty có 01 công ty liên kết

TT	Tên công ty liên kết	Trụ sở	Tỉ lệ biểu quyết	Tỉ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Lương Phát	Phường Phú Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	42,08%	42,08%

6 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Trong năm tài chính, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường.

7 Tuyên bố về khả năng so sánh

Báo cáo tài chính của công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC Hướng dẫn sửa đổi Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

VI CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính – “ Hướng dẫn Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”.

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định, hướng dẫn về đánh giá lại công cụ tài chính sau lần ghi nhận ban đầu.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính được tính theo quy định tại Thông tư số 48/2019TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

5. Ghi nhận nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng hàng tồn kho được tính theo quy định tại Thông tư số 48/2019TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

7. Tài sản cố định

7.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

8.1. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính:

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

8.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của công ty

Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê.

9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10 Nguyên tắc vốn hóa chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay..

11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ Đầu tư phát triển quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của công ty, trong quá trình hoạt động, các nguồn quỹ này được quản lý và sử dụng theo điều lệ của công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTDB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản thuế

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế TNDN áp dụng mức thuế suất 20% theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH 13 ngày 19/06/2013.

Các loại thuế và phí khác theo quy định hiện hành.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC
V . KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

01 . TIỀN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mặt	24,784,330,040		12,337,239,949	
Tiền gửi thanh toán	65,418,219,868		7,388,780,474	
Các khoản tương đương tiền	3,113,890,000			
Cộng	93,316,439,908		19,726,020,423	
02 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngắn hạn				
Công ty Max International INC	7,291,654,478		8,683,688,003	
Công ty TNHH May Sumec Việt Nam	4,361,388,207		4,485,305,826	
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam			1,089,000,000	
Công ty Cổ phần May Minh Anh Thọ Xuân			61,505,000,001	
Công ty TNHH Tainan Enterprises (Việt Nam)	5,824,482,181			
Công ty Cổ phần XNK May Anh Vũ	10,600,876,073			
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	7,689,254,932			
Nhóm Khách hàng khác (Có số dư nhỏ hơn 10% tổng nợ phải thu)	4,840,792,512		5,037,129,137	
Cộng	40,608,448,383		80,800,122,967	
03 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm		Số đầu năm	
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	3,410,516,724		10,803,193,147	
Công ty Cổ phần Lương Phát	97,123,696,578		16,939,181,121	
Công ty Cổ phần Great Vina	5,404,639,286		3,783,153,998	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Nội Phố	5,031,185,150			
Công ty Cổ phần Hightland Sourcing	3,639,260,000			
Công ty Cổ phần May Tatsu	24,273,873,460			
Các nhà cung cấp khác	2,830,057,415		2,667,500,644	
Cộng	141,713,228,613		34,193,028,910	
04 . PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
Khoản mục	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	29,312,585,994		19,472,228,047	
Tạm ứng	19,812,585,994		19,472,228,047	
Phải thu khác [i]	9,500,000,000			
b) Dài hạn	55,000,000,000		15,000,000,000	
Ký Quỹ	55,000,000,000		15,000,000,000	
Công ty Cổ phần Lương Phát [ii]	15,000,000,000		15,000,000,000	
Công ty TNHH Victory Việt Nam [ii]	40,000,000,000			
Cộng (a+b)	84,312,585,994		34,472,228,047	

- [i] Hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số HD23.06/HĐKT/TS ngày 30/06/2021. Thời gian hợp tác đến hết ngày 31/12/2021.
- [ii] Số dư 15 tỉ đồng chuyển cho công ty cổ phần Lương Phát (Công ty liên kết) bằng tiền mặt, căn cứ vào văn bản thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Nhà máy May Quý Lộc theo Hợp đồng nguyên tắc số 2502/2020/TS-LP-XDCT ngày 25/02/2020. Theo đó, số tiền này được dùng để thanh toán cho giá trị xây dựng công trình Nhà máy May Quý Lộc nếu Công ty Cổ phần Tiên Sơn không thanh toán đúng hạn. Thời hạn của khoản ký quỹ này cho đến khi công trình Nhà máy May Quý Lộc quyết toán xong. Khoản ký quỹ không được hưởng lãi.
- [iii] Đặt cọc bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 0612/2021/HĐĐC/TS-VICTOTY ngày 06/12/2021 về việc chuyển nhượng mua Nhà máy

05 . HÀNG TỒN KHO

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	5,378,887,417		5,378,887,417	
Nguyên vật liệu	1,620,036,000		1,620,036,000	
Thành phẩm	10,820,449,343		9,994,817,453	
Cộng	17,819,372,760		16,993,740,870	

06 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Chi phí giải phóng mặt bằng NM May Triệu sơn

Đền bù Giải phóng mặt bằng NM May Quý Lộc

Cộng

Số cuối kỳ

Số đầu năm

12,642,831,637

3,683,064,154

4,595,893,727

20,921,789,518

2,952,250,858

3,744,906,641

4,667,332,484

11,364,489,983

07 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (PHỤ LỤC SỐ 01)

08 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Mẫu khuôn	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	765,000,000	7,039,047,100	7,804,047,100
Tăng trong năm		1,572,651,000	1,572,651,000
Giảm trong năm		525,170,100	525,170,100
Số cuối năm	765,000,000	8,086,528,000	8,851,528,000
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm		742,299,334	742,299,334
Tăng trong năm		138,140,799	138,140,799
Giảm trong năm		525,170,100	525,170,100
Số cuối năm		355,270,033	355,270,033
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	765,000,000	6,296,747,766	7,061,747,766
Số cuối năm	765,000,000	7,731,257,967	8,496,257,967

09 . TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị Xây dựng cơ bản		
Khu Dịch vụ 65 Nguyễn Huệ - Bim Sơn	957,250,000	957,250,000
Khu Nhà xưởng+Dvụ tại Bim Sơn	2,638,000,000	2,638,000,000
Nhà máy May Kim Tân	1,526,000,000	1,526,000,000
Nhà kho Phụ liệu - May XK Sơn Hà	385,673,000	385,673,000
Công trình Cải tạo Nhà ăn ca công nhân may SH	425,000,000	425,000,000
Công trình nhà máy may Quý Lộc Yên Định	49,285,080,411	10,190,000,000
Cộng	55,217,003,411	16,121,923,000

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (XEM PHỤ LỤC SỐ 02)**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****Ngắn hạn**

CN Xuất Nhập khẩu Nông Sản -

Cty CP Tập đoàn cà phê AVINA

109,278,000

Công ty TNHH TM và DV Dũng Hùng

300,000,000

300,000,000

Công ty Cổ phần may minh Anh Thọ Xuân

225,882,526

225,882,526

Công ty TNHH Trần Hiếu

5,463,710,602

599,531,223

Công ty TNHH Năng lượng và Thiết bị nhiệt

Mạnh Quân

76,600,000

326,600,000

Công ty TNHH Sài Gòn Hi - Tech

344,908,215

339,724,631

Nhà máy SX chế biến cà phê- CN Cty CP Đại

Phát ViNa

4,281,366,346

Nhóm Nhà cung cấp khác

(Có số dư nhỏ hơn 10% Tổng nợ phải trả)

2,070,943,021

1,873,630,005

Cộng

12,872,688,710

3,665,368,385

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã trả	Số cuối năm
THUẾ PHẢI NỘP	4,772,465,446	10,046,997,393	7,539,249,590	7,280,213,249
Thuế đất	180,821,057	430,317,247	447,652,656	163,485,648
Thuế TNCN		1,726,765,308	1,726,338,590	426,718
Thuế môn bài		5,000,000	5,000,000	
Thuế TNDN	4,591,644,389	7,884,914,838	5,360,258,344	7,116,300,883
THUẾ PHẢI THU	123,058,959			123,058,959
Thuế GTGT	123,058,959			123,058,959

21

13 . PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	9,662,750,000	36,041,168
Phải trả khác ngắn hạn	23,750,000	36,041,168
Công ty TNHH VICTORY Yên Định Việt Nam	9,639,000,000	
b) Dài hạn	53,687,591,709	32,604,629,866
Công ty TNHH TS Vina (Đặt cọc thuê xưởng)	5,254,186,169	5,254,186,169
Công ty TNHH YS Vina (Đặt cọc thuê xưởng)		6,837,426,157
Công ty HUG	5,519,133,540	5,519,133,540
Công ty TNHH May Sumec Việt nam (đặt cọc thuê xưởng)	14,993,884,000	14,993,884,000
Công ty TNHH Giày ATHENA Việt Nam [i]	18,401,088,000	
Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ (Đặt cọc thuê xưởng)	9,519,300,000	
Cộng (a+b)	63,350,341,709	32,640,671,034

[i] Khoản đặt cọc theo Thỏa thuận tháng 7/2021 về việc Chuyển nhượng Vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuê tại Khu công nghiệp làng nghề Nga Sơn, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH(XEM PHỤ LỤC SỐ 03)

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 04)

15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông góp vốn	Tỷ lệ(%)	Số cuối năm	Tỷ lệ(%)	Số đầu năm
Ông Trịnh Xuân Lâm	6.003%	38,300,250,000	9.86%	34,350,000,000
Ông Trịnh Xuân Lượng	1.748%	11,150,000,000	2.87%	10,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Dụ	0.175%	1,115,000,000	0.29%	1,000,000,000
Ông Trịnh Văn Dương	0.786%	5,017,500,000	1.29%	4,500,000,000
Ông Trịnh Xuân Dưỡng	0.699%	4,460,000,000	1.15%	4,000,000,000
Các cổ đông khác	90.589%	577,972,140,000	84.53%	294,150,000,000
Cộng	100%	638,014,890,000	100%	348,000,000,000

15.3 Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	348,000,000,000	348,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	290,014,890,000	
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	638,014,890,000	348,000,000,000

15.4 Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63,801,489	34,800,000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	63,801,489	34,800,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	63,801,489	34,800,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP

15.5 Các Quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư phát triển	439,500,000	439,500,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18,000,000	18,000,000
Cộng	457,500,000	457,500,000

16 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại (USD)	3,685.94	18,130.92

THUYẾT MINH BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC**VI TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

01 . DOANH THU	Năm nay	Năm trước
Hoạt động gia công	162,605,441,168	49,802,998,866
Hoạt động cho thuê Nhà xưởng	32,372,548,000	39,543,495,290
Hoạt động kinh doanh KS	22,659,090	33,945,446
Hoạt động thương mại	274,480,022,154	188,389,185,125
Hoạt động may khâu trang	101,036,436	6,105,113,815
Hoạt động Nhà máy gỗ		1,503,000,000
Hoạt động khác	3,593,290,236	1,721,193,323
Cộng	473,174,997,084	287,098,931,865

02 . DOANH THU THUẦN	Năm nay	Năm trước
Hoạt động gia công	162,605,441,168	49,802,998,866
Hoạt động cho thuê Nhà xưởng	32,372,548,000	39,543,495,290
Hoạt động kinh doanh KS	22,659,090	33,945,446
Hoạt động thương mại	274,480,022,154	188,389,185,125
Hoạt động may khâu trang	101,036,436	6,105,113,815
Hoạt động Nhà máy gỗ		1,503,000,000
Hoạt động khác	3,593,290,236	1,721,193,323
Cộng	473,174,997,084	287,098,931,865

03 . GIÁ VỐN	Năm nay	Năm trước
Hoạt động gia công	137,017,097,089	35,749,297,592
Hoạt động cho thuê Nhà xưởng	23,926,135,936	34,329,758,333
Hoạt động kinh doanh KS	101,443,083	41,248,189
Hoạt động thương mại	251,663,009,800	175,584,771,379
Hoạt động may khâu trang	110,499,066	3,452,019,356
Hoạt động Nhà máy gỗ		342,343,397
Hoạt động khác	2,415,556,344	1,502,275,509
Cộng	415,233,741,318	251,001,713,755

04 . DOANH THU TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	207,033,836	83,695,860
Chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	295,605,037	
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	600,590,634	331,493,601
Cộng	1,103,229,507	415,189,461

	Năm nay	Năm trước
05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Chi phí lãi vay	10,174,216,357	10,545,780,722
Lãi thuê tài chính		55,230,959
Chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	453,887,928	3,525,740
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	524,644	234,598,309
Cộng	10,628,628,929	10,839,135,730
06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG		
Chi phí mua ngoài	1,035,116,190	2,512,942,688
Chi phí khấu hao		55,910,278
Chi phí khác bằng tiền	1,126,047,121	
Cộng	2,161,163,311	2,568,852,966
07 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí tiền lương	4,805,953,184	3,779,020,519
Chi phí khấu hao	1,556,013,677	2,262,069,532
Chi phí mua ngoài	3,365,577,751	3,396,310,446
Chi phí công cụ	913,666,562	
Chi phí bằng tiền khác	2,561,603,075	510,041,676
Tăng giảm dự phòng		(251,557,083)
Cộng	13,202,814,249	9,695,885,090
08 . THU NHẬP KHÁC		
Thu nhập khác	462,352,379	169,870,909
Thu nhập thuần thanh lý tài sản (*)	-	5,755,959,186
Thu do khách thuê nhà xưởng kết thúc hợp đồng.	5,931,796,635	
Cộng	6,394,149,014	5,925,830,095
(*) Chi tiết bù trừ thu nhập và chi phí thanh lý tài sản		Năm trước
Thu nhập thanh lý tài sản (1)		112,048,174,875
Giá trị còn lại của TS, giá trị QSDĐ thanh lý (2)		101,112,743,641
Các khoản chi phí thanh lý khác (3)		5,179,472,048
Thu nhập thuần thanh lý tài sản (4=1-2-3)		5,755,959,186
09 . CHI PHÍ KHÁC		
Xử lý công nợ	1,527,617,742	
Chi phí khác	1,219,838,959	704,251,699
Cộng	2,747,456,701	704,251,699
10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DN		
Tổng thu nhập trước thuế (1)	36,698,571,097	18,630,112,181
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	2,726,003,101	4,328,109,767
Chi phí không được trừ khác	2,726,003,101	4,328,109,767
Các khoản điều chỉnh giảm (3)		
Tổng thu nhập tính thuế (4=1+2-3)	39,424,574,198	22,958,221,948
Thuế TNDN phải nộp năm nay	7,884,914,838	4,591,644,389
Thuế TNDN phải nộp	7,884,914,838	4,591,644,389

11 . LÃI CƠ BẢN-LÃI SUY GIẢM TRÊN CP	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN(1)	28,813,656,259	14,038,467,792
Các điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận(2)		
Trích Quỹ KTPL(Tạm tính theo Kế hoạch)(3)		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu	28,813,656,259	14,038,467,792
Cổ phiếu phổ thông lưu hành BQ trong kỳ(5)	35,139,852	34,800,000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm(6)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu(7=4:5)	820	403
Lãi suy giảm trên cổ phiếu(8=4/(5+6))	820	403
<i>(5) - Cổ phiếu bình quân lưu hành năm nay xem tại Phụ lục số 08</i>		

12 . CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	157,308,094	1,591,400,950
Chi phí nhân công	17,404,390,023	4,449,315,703
Chi phí khấu hao TSCĐ	25,115,001,963	35,303,183,007
Chi phí công cụ dụng cụ	913,666,562	1,395,345,475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129,465,208,697	43,641,369,931
Chi phí bằng tiền khác	5,879,133,739	1,552,622,449
Cộng	178,934,709,078	87,933,237,515

VII . CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LCTT

1 . Số tiền thực vay trong năm	Năm nay	Năm trước
Tiền vay theo các KU thông thường	346,559,293,748	166,371,786,517
Cộng	346,559,293,748	166,371,786,517
2 . Số tiền đã thực trả gốc vay	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo các KU thông thường	241,326,577,646	187,107,753,534
Cộng	241,326,577,646	187,107,753,534

VIII THÔNG TIN KHÁC

01 . SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

02 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

2.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tên tổ chức - cá nhân	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần May Tatsu	Q/ hệ liên kết
Công ty Cổ phần Lương Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Great Vina	Q/ hệ liên kết
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	Q/ hệ liên kết

2.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**a . Giao dịch mua**

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần May Tatsu	Q/ hệ liên kết	40,038,438,692	9,048,595,908
Công ty CP Lương Phát	Công ty liên kết	185,074,076,858	71,090,649,191
Công ty Cổ phần Great Vina	Q/ hệ liên kết	4,576,669,587	5,167,762,586
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	Q/ hệ liên kết	24,396,687,146	
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết	10,282,508,572	17,574,867,085
Cộng		264,368,380,855	102,881,874,770

b) . Giao dịch bán

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần May Tatsu	Q/ hệ liên kết	1,200,000,000	1,900,000,000
Công ty Cổ phần Great Vina	Q/ hệ liên kết	90,000,000	90,000,000
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	Q/ hệ liên kết	4,348,259,150	
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết		1,150,000,000
Cộng		5,638,259,150	3,140,000,000

c) . Giao dịch tài chính(Vay vào)

<u>Tên Tổ chức, cá nhân</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Trịnh Xuân Lượng	Tổng Giám đốc	3,360,000,000	8,107,370,000
Cộng		3,360,000,000	8,107,370,000

2.3 . SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**a) . Trả trước cho Nhà cung cấp**

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết	3,410,516,724	10,803,193,147
Công ty Cổ phần Great Vina	Q/ hệ liên kết	5,404,639,286	
Công ty Cổ phần May Tatsu	Q/ hệ liên kết	24,273,873,460	
Công ty Cổ phần Lương Phát	Công ty liên kết	97,123,696,578	16,939,181,121
Cộng		130,212,726,048	27,742,374,268

b) . Phải thu khách hàng

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết		1,089,000,000
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn	Q/ hệ liên kết	7,689,254,932	
Công ty CP Great Vina	Q/ hệ liên kết		148,500,000
Cộng		7,689,254,932	1,237,500,000

**02.3 THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC
CỦA THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn	Tên công ty có liên quan
Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	90%	18,000,000,000	Công ty Cổ phần May Tatsu
Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	60%	6,000,000,000	Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn
Ông Trịnh Xuân Lượng	Tổng Giám đốc	50.97%	81,552,000,000	Cty Cổ phần Lương Phát
Ông Trịnh Xuân Lượng	Tổng Giám đốc	20%	2,000,000,000	Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn
Ông Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	20%	2,000,000,000	Công ty Cổ phần Tiên Sơn Nga Sơn
Ông Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	60%	1,080,000,000	Công ty cổ phần Great Vina
Ông Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc	99.40%	49,700,000,000	Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam

03 . ẢNH HƯỞNG DOANH THU CHO THUÊ GHI NHẬN MỘT LẦN (Phụ lục 05)

04 . BÁO CÁO BỘ PHẬN (Phụ lục 06)

05 THU NHẬP CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT (Xem tại Phụ lục số 07)

06 BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (Xem Phụ lục 09)

07 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.



Lê Thị Nguyễn

Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022



Hoàng Đình Thắng

Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

PHỤ LỤC SỐ 01

07 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

		Đơn vị tính: VND				
T	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng tài sản cố định hữu hình
I	Nguyên giá TSCĐ					
1	Số đầu năm	384,387,440,442	137,868,150,866	5,040,225,900	336,407,620	527,632,224,828
2	Tăng trong năm	146,874,076,858	13,486,230,204	727,272,727	-	161,087,579,789
	- Do mua sắm		13,486,230,204	727,272,727		14,213,502,931
	- Do XDCB hoàn thành	146,874,076,858				146,874,076,858
3	Giảm trong năm	(844,212,082)	851,252,276	(7,040,194)	-	
	- Do phân loại lại nhóm	(844,212,082)	851,252,276	(7,040,194)		
4	Số cuối năm	532,105,729,382	150,503,128,794	5,774,538,821	336,407,620	688,719,804,617
II	Hao mòn TSCĐ					
1	Số đầu năm	145,265,254,276	87,682,391,735	3,936,329,014	330,069,711	237,214,044,736
2	Tăng trong năm	21,986,507,543	2,702,274,757	380,194,799	4,838,342	25,073,815,441
	- Do trích khấu hao TSCĐ	21,986,507,543	2,702,274,757	380,194,799	4,838,342	25,073,815,441
3	Giảm trong năm	(1,548,583,235)	1,556,569,144	(6,486,342)	(1,499,567)	
	- Do phân loại lại nhóm	(1,548,583,235)	1,556,569,144	(6,486,342)	(1,499,567)	
4	Số cuối năm	168,800,345,054	88,828,097,348	4,323,010,155	336,407,620	262,287,860,177
III	Giá trị còn lại					
1	Số đầu năm	239,122,186,166	50,185,759,131	1,103,896,886	6,337,909	290,418,180,092
2	Số cuối năm	363,305,384,328	61,675,031,446	1,451,528,666	-	426,431,944,440

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Lê Thị Nguyễn

Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Hoàng Đình Thăng
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Lương
Tổng Giám đốc



PHỤ LỤC SỐ 02

10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Khoản mục đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị sau dự phòng	Giá gốc
a) Ngắn hạn	1,000,000,000		1,000,000,000	1,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn(VCB)	1,000,000,000		1,000,000,000	1,000,000,000
b) Dài hạn	67,322,000,000	-	67,322,000,000	67,322,000,000
Đầu tư vào công ty L/kết	67,322,000,000	-	67,322,000,000	67,322,000,000
Công ty cổ phần Lương Phát	67,322,000,000		67,322,000,000	67,322,000,000
Cộng(a+b)	68,322,000,000	-	68,322,000,000	68,322,000,000

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022



(Handwritten signatures)

Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Thắng
Kế toán trưởng

Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

PHỤ LỤC SỐ 03

14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Vay vào	Trả nợ vay	Giá trị	Số có khả năng trả
a						
VAY NGẮN HẠN	79,215,175,268	79,215,175,268	227,200,390,919	230,833,566,248	82,848,350,597	82,848,350,597
NHTMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn	58,769,175,268	58,769,175,268	113,294,279,081	79,088,339,410	24,563,235,597	24,563,235,597
NHTMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa			71,480,137,038	109,275,252,038	37,795,115,000	37,795,115,000
NHTMCP ngoại thương- CN Thanh hoá	19,946,000,000	19,946,000,000	39,065,974,800	39,109,974,800	19,990,000,000	19,990,000,000
Vay cá nhân	500,000,000	500,000,000	3,360,000,000	3,360,000,000	500,000,000	500,000,000
b						
VAY DÀI HẠN	138,486,277,620	138,486,277,620	119,699,997,792	11,357,484,269	30,143,764,097	30,143,764,097
NHTMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa	138,486,277,620	138,486,277,620	119,699,997,792	11,357,484,269	30,143,764,097	30,143,764,097
	217,701,452,888	217,701,452,888	346,900,388,711	242,191,050,517	112,992,114,694	112,992,114,694

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Lê Thị Nguyễn

Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Hoàng Đình Thắng
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**15.1 - BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU****PHỤ LỤC SỐ 04**

Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Năm trước						
1. Số dư đầu năm	348,000,000,000		439,500,000	18,000,000	62,437,577,425	410,895,077,425
2. Số tăng trong năm					14,038,467,792	14,038,467,792
- Lãi năm nay					14,038,467,792	14,038,467,792
3. Số giảm trong năm						
- Giảm khác						
4. Số cuối năm	348,000,000,000		439,500,000	18,000,000	76,476,045,217	424,933,545,217
Năm nay						
1. Số dư đầu năm	348,000,000,000		439,500,000	18,000,000	76,476,045,217	424,933,545,217
2. Số tăng trong năm	290,014,890,000				28,813,656,259	318,828,546,259
- Tăng vốn năm nay	290,014,890,000					290,014,890,000
Trong đó:						
+ Do phát riêng lẻ	250,000,000,000					250,000,000,000
+ Chia cổ tức bằng cổ phiếu	40,014,890,000					40,014,890,000
- Lãi năm nay					28,813,656,259	28,813,656,259
3. Số giảm trong năm		210,000,000			74,815,277,000	75,025,277,000
- Chi phí phát hành		210,000,000				210,000,000
- Chia cổ tức					74,815,277,000	74,815,277,000
4. Số cuối năm	638,014,890,000	-210,000,000	439,500,000	18,000,000	30,474,424,476	668,736,814,476

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022


Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Hoàng Đình Thắng
Kế toán trưởngTrịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 05: THUYẾT MINH ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC GHI NHẬN DOANH THU CHO THUẾ THIẾT BỊ
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	KQKD 2021	Doanh thu cho thuế phân bổ cho năm nay	Đơn vị tính: đồng
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	VI.01	473,174,997,084	3,120,000,000	KQKD 2021 476,294,997,084
02	2. Các khoản giảm trừ				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp d/vụ	VI.02	473,174,997,084	3,120,000,000	476,294,997,084
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	415,233,741,318	1,127,322,816	416,361,064,134
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp d/vụ	VI.04	57,941,255,766	1,992,677,184	59,933,932,950
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.05	1,103,229,507		1,103,229,507
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	10,628,628,929		10,628,628,929
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		10,174,216,357		10,174,216,357
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	2,161,163,311		2,161,163,311
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	13,202,814,249		13,202,814,249
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	VI.08	33,051,878,784	1,992,677,184	35,044,555,968
31	11. Thu nhập khác		6,394,149,014		6,394,149,014
32	12. Chi phí khác	VI.09	2,747,456,701		2,747,456,701
40	13. Lợi nhuận khác		3,646,692,313		3,646,692,313
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36,698,571,097	1,992,677,184	38,691,248,281
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		7,884,914,838	398,535,437	8,283,450,275
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28,813,656,259	1,594,141,747	30,407,798,006
61	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	820	45	865
62	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	820	45	865



Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

(Signature)

Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

Hoàng Đình Thăng
Kế toán trưởng

Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SƠN THANH HÓA

Địa chỉ: KCN Bắc Sơn Рим Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bắc Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

VIII.04 - BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

PHỤ LỤC SỐ 06

Đơn vị tính: đồng

TT	Năm nay	Máy gia công	Thương mại	Dịch vụ	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	162.605.441,168	274.581.058,590	35.988.497,326	473.174.997,084		473.174.997,084
2	Doanh thu thuần nội bộ				0	0	0
3	Khấu hao và chi phí phân bổ	139.178.260,400	251.773.508,866	26.443.135,363	417.394.904,629		417.394.904,629
4	Khấu hao và chi phí không phân bổ			13.202.814,249	13.202.814,249		13.202.814,249
5	Tổng cộng chi phí(3+4)	139.178.260,400	251.773.508,866	39.645.949,612	430.597.718,878	0	430.597.718,878
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.427.180,768	22.807.549,724	-3.657.452,286	42.577.278,206		42.577.278,206
6	Chi mua TSCĐ				161.087.579,789		161.087.579,789
7	Tài sản bộ phận không phân bổ						
8	Nợ phải trả bộ phận không phân bổ						
							976.612,415,331
							307.875,600,855

b) Báo cáo theo khu vực địa lý

TT	Năm nay	Thanh Hóa	Đắk Lắk	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	473.174.997,084	0	473.174.997,084		473.174.997,084
	Trong đó					
	Dịch vụ Gia công	162.605.441,168		162.605.441,168		162.605.441,168
	Dịch vụ thương mại	274.581.058,590		274.581.058,590		274.581.058,590
2	Dịch vụ CC dịch vụ	35.988.497,326		35.988.497,326		35.988.497,326
2	Giá vốn	415.233,741,318		415.233,741,318		415.233,741,318
2	Lợi nhuận thuần	57.941,255,766		57.941,255,766		57.941,255,766
3	Chi mua TSCĐ	161.087,579,789		161.087,579,789		161.087,579,789

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Hoàng Đình Thăng



Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Hoàng Đình Thăng
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

VIII.05 THU NHẬP BỘ PHẬN QUẢN LÝ

PHỤ LỤC SỐ 07

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Năm nay	Năm trước
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC		1,283,525,089	1,486,338,000
1	Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	72,000,000	108,000,000
2	Ông Trịnh Xuân Lượng	Ủy viên HĐQT; Tổng Giám đốc	231,000,000	288,000,000
3	Ông Trịnh Văn Dương	Ủy viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc	275,000,000	313,000,000
4	Ông Lê Văn Ngọc	Ủy viên HĐQT	139,760,138	141,818,000
5	Ông Lương Văn Quyết	Ủy viên HĐQT	111,600,000	126,000,000
6	Ông Trịnh Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc	276,425,647	295,000,000
7	Ông Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc	177,739,304	214,520,000
II	BAN KIỂM SOÁT		362,792,063	370,597,000
1	Ông Đinh Bộ Lễ	Trưởng ban	90,292,063	94,597,000
2	Ông Trịnh Văn Tâm	Ủy viên	192,000,000	192,000,000
3	Bà Nguyễn Thị Giang	Ủy viên	80,500,000	84,000,000

Lê Thị Nguyên
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Hoàng Đình Thắng
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SON THANH HÓA

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Số 09, KCN Bắc Sơn Bắc Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bắc Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

PHỤ LỤC SỐ 08

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ

TT	Chỉ tiêu	Ngày giao dịch	Số lượng CP (2)	Mệnh giá (3)	Giá trị (4) = 2x3	Số ngày lưu hành trong kỳ (5)	Số cổ phiếu lưu hành bình quân (6) = 2x5/365
I	Số lượng cổ phiếu đầu năm		34,800,000	10,000	348,000,000,000		34,800,000
II	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ		29,001,489		290,014,890,000		339,852
	Do chi có tức bằng cổ phiếu	01/12/2021	4,001,489	10,000	40,014,890,000	31	339,852
	Do phát hành riêng lẻ	16/02/2022	25,000,000	10,000	250,000,000,000		
III	Số lượng cổ phiếu mua lại						
IV	Số lượng cổ phiếu cuối năm		63,801,489		638,014,890,000		
IV	Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ (I+II-III)						35,139,852

PHỤ LỤC SỐ 09

06. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

(Thu được từ đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn thêm 250.000.000.000 đồng năm 2021)

TT	Nội dung	Số tiền
1	Phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt	250,000,000,000
1	Mở rộng Giai đoạn 2 Nhà máy May Xuất khẩu Sơn Hà	20,000,000,000
2	Xây dựng thêm Nhà máy May xuất khẩu Quý Lộc;	90,000,000,000
3	Trả nợ vay Ngân hàng	125,500,000,000
4	Trả nợ nhà cung cấp	14,500,000,000
II	Vốn đã sử dụng đến 31/12/2021	187,500,000,000
	<i>Số vốn đã sử dụng đến 31/12/2021 phù hợp với Phương án sử dụng vốn đã được UBCK Nhà nước phê duyệt. Chi tiết:</i>	
1	Trả tiền Công ty Cổ phần Lương Phát cho các hạng mục xây dựng Nhà máy may	110,000,000,000
	Trong đó chi trả cho hoạt động xây dựng:	
1.1	Mở rộng Giai đoạn 2 Nhà máy may Xuất khẩu Sơn Hà	20,000,000,000
1.2	Nhà máy May Quý Lộc	90,000,000,000
2	Chi trả nợ vay Ngân hàng	63,000,000,000
3	Chi trả nợ nhà cung cấp	14,500,000,000
III	Số vốn còn chưa sử dụng đến 31/12/2021	62,500,000,000

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Lê Thị Nguyên
Người lập biểu

Hoàng Đình Thắng
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính

Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mễ Trì,
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Tel: (+84 24) 3868 9566
(+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248

Chi nhánh Quảng Ninh

Tổ 4, khu 4, P. Giếng Đáy,
TP Hạ Long, Quảng Ninh
Tel: (+84 203) 382 2030
Fax: (+84 203) 382 2030

Văn phòng ĐDKV miền Trung

Tầng 2 số nhà 209 đường
Lê Lợi, TP Vinh, Nghệ An
Tel: (+84 203) 382 2030
Fax: (+84 203) 382 2030
Website: kiemtoanava.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5 số 47/2/57 Bùi Đình Túy,
Phường 24, Quận Bình Thạnh,
TP HCM
Tel: (+84 0283) 510 8986